

8°
INDO-CHINOIS
902

集全賀稿

CẢO THƠM TOÀN TẬP

(Sách này chia làm ba tập:

Tập thơ phú, tập văn, câu đối và tập bài hát ả đầu
của các bậc danh nhân nước ta).

HÀI-NAM

ĐOÀN-NHƯ-KHUÊ BIỀN TẬP

Hiệu sách Quảng-Thịnh — 115, Hàng Gai, Hanoi

Xuất bản

IN LẦN THỨ NĂM

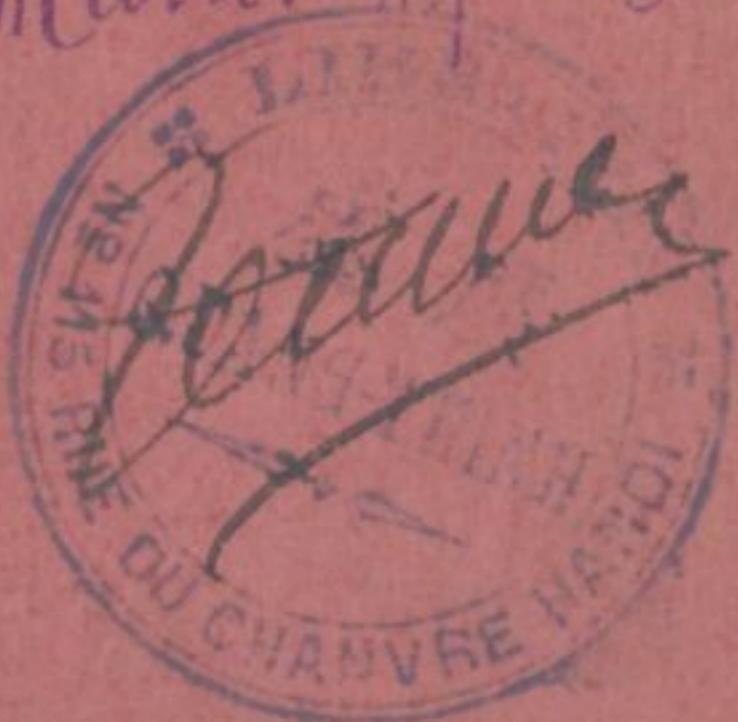
Giá: 0\$40



902
HANOI
In tại Ngô-tử-Hạ Ăn-quán
101, Hàng Gai, 101

1929

Deux exemplaires
Dépôt Legal
Hanoi 14 - 3.19



Nhà Kho

Quán Ven Đường

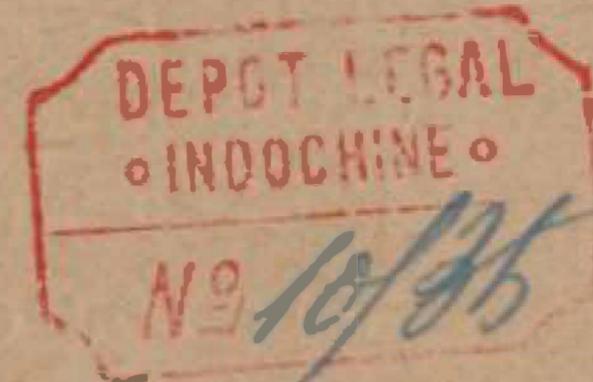
Chủ quán: Huỳnh Chiếu Đẳng

CẢO-THƠ'M TOÀN-TẬP

TẬP THƠ



THƠ BÁN THAN



Một gánh kiền khôn quay lếtch ngắn,
Hỏi rằng gì đó ? dạ rằng than !
Đói no miễn được đòng tiền tốt,
Hơn thiệt bao nài gốc củi tàn !
Muốn giữ lửa hương cho vẹn kiếp,
Thử xem vàng đá có bền gan ?
Toan từ nhem nhuốc thay nghề khác,
Lại sợ giờ kia thiểu kẻ hàn.

Tiêu dân

Bài này của Ông Trần-khánh-Dư đời nhà Trần, Ông làm quan bị mất chức, vào rừng đốt than. Một ngày vua Trần Nhân-tôn lánh giặc Nguyễn, qua bên đờ Biab-ly (huyện Chí-linh) bắt gặp. vua thấy gánh than, ra ngay cho bài thơ tức cảnh, Ông ấy làm bài thơ này, vua khen lại phục chức cho làm Phó-đô tướng-quân, cho theo đi đánh giặc, có công sau lại làm nên được một bậc trung-hưng danh-tướng

HỎI CÔ BÁN CHIẾU

À ở đâu ta bán chiếu gon ?
Chẳng hay chiếu ấy hết, hay còn ?

Xuân thu phỏng độ bao nhiêu tuổi?
Đã có chồng chưa, được mấy con?

Bài họa lại

Tôi ở Tây hồ bán chiểu gon,
Cớ chi ông hỏi hết, hay còn?
Xuân thu tuổi mới giăng tròn lẻ,
Chồng còn chưa có, có chỉ con.

Tiêu dẫn

Bài thơ trên của ông Nguyễn-Trãi, khi ông đã làm quan đời vua Lê. Một hôm đi chầu về, giờ đã xâm-xâm tối, gặp một người con gái đi bán chiểu về, nhan sắc tuyệt trần, ông mới đọc bốn 4 câu thơ này. Thơ họa lại tức là của người con gái, tên là Nguyễn-thị-Lộ, ông Trãi thày người có nhan sắc và biết văn từ, cho về là nàng hâu. Rồi vua Lê Thái-tông vời làm nữ-học sinh, thường thường được ra vào trong cung. Sau ông Trãi mắc phải tộitru-di, cũng vì nàng ấy. Tương truyền nàng ấy là con rắn hiện hình ra để báo thù khi trước khi đem chém nàng ta thì thày con rắn ở trong cùi bò ra mới biết là ông Trãi bị oan.)

TẬP THƠ VUA LÊ-THÁNH-TÔN

Sách chép bà Hoàng-hái-hậu trước di câu-tự, khi gân sinh ngài, mệt quá, nhấp đi; nắm chiêm-bao lên giờ, thày đức Thượng-đè sai một vị Tiên-đồng không chịu xuông, Thượng-đè giận, lây cái hốt bằng ngọc đánh vào trán hơi chảy máu, sực tỉnh sinh ngài, trán hays còn ngân vết đó.

Ngài thiên-tử thông-minh, và lại bao vè những
đường phán điền, ngâm vịnh rát nhiều, thơ quoc-âm
càng hay lầm, rát hay là không cứ bài gì cũng làm
ra khẩu-khí ngồi thiên-tử được. Xin lục đăng các bài
sau này :

NGƯỜI BỒ NHÌN

Quyền trọng ra uy trấn cõi bờ,
Vốn lòng vì nước há vì dưa !
Xét-soi trước mặt đôi vàng ngọc,
Vùng-vẫy trên tay một lá cờ;
Đẹp giỗng muông chim xa phải láoh,
Dễ quân cầm cuốc gọi không thưa;
Mặc ai nhảy nhót đường danh lợi,
Ôn nước đầm-đia hạt móc mưa.

Một câu tam tú nữa là :

Tay áo phất-phơ cơn gió thổi,
Bồ-hôi lã-chã lúc giờ mưa.

NGƯỜI ĐI XIN

Chẳng phải ăn đong, chẳng phải vay,
Khắp hòa thiên hạ đến ăn mày;
Hạt châu chúa cất trao ngang miệng,
Bệ ngọc tôi từng đứng chắp tay;
Nam bắc đông tây đều đến cửa,
Trẻ già gái gái cũng chiềng thầy;
Đến đâu săn có lâu dài đấy,
Bốn bề thu về một túi đầy.

THẮNG MÔ

Góm thay nhơn tiểng lại giải hơi,
Làng nước ương bầu chẳng phải chơi !
Mộc đặc vang-lừng trong bốn cõi,
Kim-thanh rèn-rã khắp đồi nơi ;
Đâu đâu đấy đầy đều nghe lệnh,
Xã xã dân dân phải cứ nhời ;
Trên dưới quyền hành tay cất đặt,
Một mình một cõi thỏa lòng xơi.

ĐỀ MIẾU BÀ TRƯƠNG

Ngbì ngút dầu ghènh tỏa khói hương.
Miếu ai như miếu vợ chàng Trương ?
Ngọn đèn dù tắt đừng nghe trẻ,
Làn nước chi cho lụy đến nàng !
Chứng quả có đôi vàng nhật nguyệt,
Giải oan chi mượn đến đàn trường.
Qua đây mới biết nguồn-cơn ấy,
Khá trách chàng Trương khéo phụ-phàng !

Tiêu dẫn

Miếu bà Trương này còn ở bên sông Hoàng-giang
(làng Vũ-điệp, huyện Nam-sang, tỉnh Hà-nam) Bà
Trương họ Vũ, người làng Vũ-điệp, lày chồng cùng
làng, người họ Trương, được nửa năm chồng phái đi
lính, lúc chồng đi, bà ta đã có thai, rồi sinh được một
đứa con gái đặt tên là Dân.

Ba năm giặc tan chōng vē. Khi chōng vē thi mẹ đã
mất rồi, đứa con đã bập-bẹ biết nói. Người chōng bê
con ra thăm mộ mẹ, đứa con khóc, nhất định không
theo gọi con bảo tāng: « Con ơi ra với cha, cha vẫn
thương con lắm! » Đứa con nói: « Người cũng là
cha ư? nhưng nay người lại biết nói, khi trước
người cha thi không nói, cứ mẹ ngồi thi ngồi, mẹ
đi thi đi, đèn tôi thi thay đèn ». Chàng Trương sẵn
có mâu ghen, nghe con nói liêu dem lòng ngờ vợ, về
đèn nhà thét mắng, nói đủ trăm đường xi-nhục, dâu
vợ van lạy thề nào, và trong làng trong họ biện-bạch
chứng nào cũng không nghe, mà hỏi ai nói thì nhất
định giàu, không bảo là con nói, bà Trương bị trăm
đường sầu-khổ, đèn nỗi phải gieo mình xuống giữa
đòng Hoàng-giang.

Chàng Trương từ khi vợ mất, buông khuya thanh-vắng một mình, cũng động lòng thương nhớ. Có một
đêm đương bê con, thì đứa con chồ vào bức vách oà
lèn nói rằng: « Kia cha Đàn lại đèn kia! » Vì ngày
trước người chōng đi vắng, bà Trương cứ chồ vào
bóng mình nói dối con rằng người cha đây, nên đứa
bé nhặt nhầm. Lúc bấy giờ chàng Trương mới biết
rõ rằng vợ mắc phải tiếng oan, rất lì thương sót;
nhưng không thể làm thế nào được, mới ra Hoàng-
giang lập một đàn để giải oan. Sau vua Lê Thánh-
tôn qua đây để bài thơ này (chuyện chép tường ở
bộ Chuyển-ký-Man-lục).

THÍCH CÂU

« Đèn đây mèn cảnh mèn thay, »
« Tuy tui đạo phật chưa khuây lòng người. »

Ngẫm sự trần duyên khéo nực cười !
Tuy vui đạo phật chưa khuây người ;
Chầy kền mẩy khắc tan miền tục,
Hồn bướm năm canh lần sự đời,
Bề thảm muôn tăm mong tát cạn,
Sông ân nghìn trượng dễ khơi vơi ;
Nào nào cực lạc là đâu tá ?
Cực lạc là đây hẵn tò mòri.

Tiêu dẫn

Vua Thành-tôn khi ra chơi chùa Ngọc-hồ, thấy trên gác chuông có một người con gái đẹp ngâm rỗng : « Đèn đây v. v. . . » Vua yêu người có tài-tú, cho đổi lại họa thơ, người con gái xin vua làm trước. Vua hỏi đâu bài thi xin lấy ngay câu ngâm trước. Vua làm xong đưa cho người con gái xem, thưa rằng : « Câu thứ ba thứ tư thiếu ý cảnh, xin đổi lại rằng :

Gió thông đưa kệ tan miền tục,
Hồn bướm mơ tiên lần sự đời.

Còn câu thứ 5, 6 thi chữ thảm xin đổi làm chữ khô, chữ sống xin đổi làm chữ nguôn. » Vua khen lâm cho đí kiệu cùng vé, gần đèn cung thì thấy mắt, mới biết là người tiên. Vua mới sai dựng một đèn ở trước cửa cung, gọi là Vọng-tiên quán, nghĩa là nhớ người tiên mà mong mỏi, đèn ấy đèn nay vẫn hays còn.

TẬP THƠ

QUAN TRẠNG-NGUYỄN NGUYỄN-BÌNH-KHIÊM

Quan Trạng người làng Trung am, huyện Vĩnh-lại, tỉnh Hải-dương, đỗ Trạng-nguyễn năm thứ 6 niên hiệu Đại-chinh, đời nhà Mạc, làm quan đền Đỗng-các Đại-học-sĩ, được phong tước Công, sau cáo về, làm nhà nghỉ mát ở làng gọi là am Bạch-vân, thường có tên riêng là Bạch-vân xứ-sĩ.

Ngài là học-trò quan Bảng-nhờn Lương - đặc - Bảng truyền thụ được một bộ Thá-l-át thán-kính nên rất tinh về đường Lý - học, suy chắc biệt được cả vạn-hội mày trăm năm về trước, mày trăm năm về sau thường có nhời sâm ký để lại sau rất là linh nghiệm, nhưng bao giờ việc đã qua rồi thì mới biết, thử xem một nhời sâm như là : « Cha con thằng Khả đánh ngã bia tao làng bắt đèn tiên tam quán » (nghĩa là ba quan), sau chõ mộ ngài có cha con thằng Khả đi đào ếch đánh đỗ bia thật, làng theo nhời ngài bắt khoán nó ba quan tiền, nhưng nó không có gi, chỉ có một cái thường đi đào ếch đem cõi mãi chỉ được một quan tam thôi, mới biêt tam quán nói lál lại thành ra quan tam. Các nhời sâm thi thật rõ mà toàn huyền diệu như thế cá.

Ngài có tập thơ Bạch-vân bằng chũ nho, và một trăm bài thơ quốc-âm để lại, thơ quốc-âm dấu không được hay, nhưng ngài là một nhà triết-ly học, bài nào cũng có ý khuyên dăn đời, cũng là những bài cách-angon của bậc danh nhân trong nước. Xin lục mày bài sau này,

Bài thứ 42 trong 100

Chờ chê người ngắn, cậy ta dài.
Dù kém dù hơn ai mặc ai;
Mùi nọ có bùi không có ngọt;
Mẫu kia càng thắm lại càng p' ai,
Đã hay phận định đành yên phận,
Dẫu có tài hơn chờ cậy tài!
Quân-tử ngầm xem cơ xuất xứ,
Ất là khôn hết cả hòa hai.

Bài thứ 77

Thế-gian biến đổi khéo lôi-thôi,
Mặn, nhạt, chua, cay với ngọt-bùi!
Còn bạc còn tiền còn đệ-tử,
Hết cơm hết rượu hết ông tôi.
Xưa nay đều trọng người chân-thực,
Thiên-hạ ai ưa kẻ dại bô!
Xem kỹ mới hay người bạc ác,
Giàu thì tìm đến, khó tìm lui.

CÙNG SANG CHUYẾN ĐÒ SÔNG TAM-KỲ

Một hòm kinh sứ, nắp kim-cương,
Ngươi, tờ cùng sang một chuyến dương;
Đám hội đản chay, ngươi đúng-dịnh,
Ngôi cao chức trọng, tờ nghênh-ngang!
Sao ngươi chả nhớ nhời Hàn-Dũ?
Đây tờ còn cầm truyện Thủy-Hoàng!
Phút chốc lên bờ rồi tiễn biệt,
Ngươi thì nên phật, tờ nên sang,

Tiêu dẫn

Thơ này của Ông Lương-hữu-Khánh, con quan Bảng-nhohn Lương-đắc-Bảng, khi quan Bảng-nhohn mất, ngài mới sinh, mẹ già nhè nghèo, những người có khí tiết không chịu ra làm quan với nhà Mạc, học hay chữ, ăn khoẻ, nhè nghèo không được mây bùa no. Có một ngày đi sang qua bên đò Tam-kỳ, gặp hai vị Hòa-thượng đi đám chay về, các Hòa-thượng thày Ông Lương ra ý đón, cho hai ba phầm oán, Ông Lương từ nói rằng: « Học trò nghèo đã chịu đón hai ba hôm nay may gặp các vị Hòa-thượng đem lòng bồ thí nhưng cho từng ây thi không sao đủ được » Các vị cười nói rằng :

« Nếu thực học trò thi thử làm một bài thơ tức cảnh cùng sang một chuyền đò, hễ qua đò xong mà hay thi có bao nhiêu lộc xin đãi cá. » Đò vừa tới bến, thơ xong. Hòa-thượng xem đều nức nở khen, có 70 phầm oán đãi cá. Ông Lương ngồi ngay dưới thuyền ăn một lúc hết, ai ai cũng lấy làm lạ, sau về giúp nhà Lê nên được nghiệp trung-hưng phong làm đại-vương.

THƠ CÁI SÁC PHÁO

Xác không vốn những cậy tay người,
Khôn khéo làm sao buộc cũng rơi ;
Kêu lầm lại càng tan-tác lầm.
Thế nào cũng một tiếng mà thôi !

Tiêu dẫn

Người Nguyễn-Chinh khi còn lên 9 tuổi đi học, năm mới đèn mừng tuổi thấy, thấy nhặt cái xác pháo cho rối bắt làm một bài thơ tức cảnh.

Thơ tức cảnh làm xong, thầy xem nói chuyện với bạn
rằng: « Gã này ngày sau sự-nghiệp chưa biết chừng rào,
nhưng làm loạn trong thiên-hạ hẳn cũng gã này ». Cho
vẽ học thầy khác, 16 tuổi đã cử-nhân trường văn, 18
tuổi vào kỳ đỗ tam trường vô, rồi vào thành Bình-
định theo Tây-sơn bảy mươi kê, Tây-sơn rất tin dùng,
phong đèn chức Quận-công, sau cagy công quá, đèn
nỗi ghét ghen phải bắt đắc kỵ tử, đúng vở khẩu-
khí bài này.

TẬP THƠ ÔNG ÔN-NHƯ TIÊN SINH

Cuối đời nhà Lê có ông tên hiệu là Ôn-Như tiên
sinh, thơ quốc-âm rất hay, làm có hai lối: một lối đọc
ứng khẩu thi hoạt, một lối trác-luyện kỹ thi hay.

Lời ứng khẩu như bài sau này:

SAI ĐẦY TỐ (tên là Cam) ĐI HÁI HOA

Cam, chóng ra thăm gốc hải-đường,
Hải hoa về để kết làm tràng ;
Những cánh với cánh đứng tay nặng,
Mấy đoá còn xanh chờ bể quàng !
Mới lại tây-hiên tìm liên sạ,
Rồi sang đông-viện lấy bình hương ;
Mà về cho chóng đứng thơ-thần,
Kéo lại rằng chưa dặn kỹ càng.

VỊNH ĐÁM GỪNG, TỎI BỊ MƯA GIÓ ĐỘ

Lởm-nhởm vài hàng tối,
Lơ-thơ mấy khóm gừng ;
Vẽ chi là cảnh mọn,
Mà cũng đến tang-thương !

Lời trác luyến như bài sau này :

VỊNH TRỐNG CANH NĂM

Rẽ gọi người băm thiên cò dậy,
Sương chùm cảnh đứng tứ canh đi.

KHÓC VỢ

Đạp cò kinh ra tìm lấy bóng,
Xếp tàn y lại đề dành hơi.

VỊNH CẢNH

Đưa lọt kẽ mành khuôn gió díp,
Luồn qua cửa sò bóng giăng thâu.

ĐƯA CHO TÌNH NHÂN

Khạc chảng ra cho, nuốt chảng vào,
Khối tình cay đắng biết làm sao !
Muốn kêu một tiếng cho to lắm,
Ơi hỡi ! ai ơi ! khốn thế nào ?

RẮN MÀ CHẢNG HỌC

Chảng phải thùru-đưu cũng gọi là,
Rắn mà chảng học, có ai tha ;
Thẹn đèn hồ-lửa đau lòng mẹ,
Rầy hét mai-gầm rát họng cha !
Ráo mép chỉ quen nhời nói dối,
Lắn lưng cam chịu cái roi cha;
Từ đây cháu lô xin về học,
Kéo hồ-mang đeo tiếng thế-gia.

Tiêu dân

Đời nhà Lê có ông Nghè, khi còn bé hay chơi không chịu học, cha đánh mắng rằng: « Râu mặt mà không chịu học » nhân lây câu ấy ra cho bài thơ, bảo hễ làm được, thì tha đòn cho, không được thi phải đòn, Ông Nghè làm bài thơ ấy, mỗi câu dùng một tên con rắn.

VỊNH CẢNH TÂY-HỒ

(Bài này đọc suôi, đọc ngược được)

Bài đọc suôi

Đây vui thư lạ cảnh Tây-hồ,
Trước tự giờ kia khéo vẽ đồ;
Mây ẩn nước xanh màu tò ngọc,
Nguyệt lồng hoa thắm vẻ in chau;
Cây la tán rợp từng cao thấp,
Sóng gọn cầm tâu dịp nhỏ to;
Bầy khéo thú vui non nước đủ,
Tây-hồ giá ấy dễ đâu so.

Bài đọc ngược

So đâu dễ ấy giá bồ Tây,
Đủ nước non vui thú khéo bầy;
To nhỏ dịp tâu cầm gọn sóng,
Thấp cao từng rợp tán la cây;
Chau in vẻ thắm hoa lồng nguội,
Ngọc tò màu xanh nước lẩn mây;
Đồ vẽ khéo kia giờ tự trước,
Bồ Tây cảnh lạ thực vui đây.

Tiêu dàn

Cuối đời nhà Lê, vua ra lập đàn tế ở Tây-hồ, sai
một ông quan làm bài phủ và bài thơ cảnh Tây-hồ,
vua có ban cho 20 quan tiền để làm phần thưởng

THƠ CON NGHÈ

(Mỗi câu dùng một con thú)

Có nghè mà lại cậy chi nghè,
Nghè thế ai ngờ lại hóa nghè;
Vạn tội bất như danh cũng hồ,
Nhất văn vô hữu nợ còn bê,
Khoa-danh coi cũng đồ khoe mã
Cờ biền xem như cửa ướt sè,
Bôn tẩu làm chi cho rách gấu
Thà rằng ngồi tốt vuốt râu dê.

Tiêu dàn

Ông Nghè Nguyễn định-Tân người làng Thương-côc,
huyện Gia lộc, tỉnh Hải-dương, khi mới đỗ tiến sĩ, nhà
nghèo, đem cả mũ áo lên cầm cho quan Thương. Lúc
bấy giờ quan Thương Nguyễn-công-Trứ làm Thương-
thư tinh ây, ngài nói rằng: «Bác chỉ khéo làm trò
nghè thôi!» nhẫn lây ra cho bài thơ, bắt rằng mỗi
câu dùng một con thú ông Nghè mới làm bài thơ này,
rồi quan Thương có hậu thưởng.

VỊNH CHIM BỒ CÂU

Cu hời cu hời! bảo cu hay,
Cu ở đường mõ, cu tới đây?
Chờ cậy lồng son cùng ống sứ,
Có ngày thời miến với dao phay.

Tiêu dàn

Ông Nghè Tân khi chưa đỗ, còn đi ugối dạy học, một hôm quan Thượng hẹn ra chơi nhà chủ, nhà chủ có một cái sập giữa cao, nhà chủ bảo đê nhường quan ugối, ông Nghè nhất định không nghe. Lúc quan Thượng ra, cứ ugối giữa sập, quan Thượng cũng ugối đây, hỏi thấy đỗ có biết làm thơ không? Ông Nghè thưa: biết làm thơ nôm. Sân trước cửa có lồng chim bồ-câu treo, quan Thượng lấy ra đầu bài, Ông Nghè ưng khẩu làm ngay bài thơ ấy, quan Thượng xem, biết là sắc, nhưng hay, phải khen mà thường tiễn cho.

TẬP THƠ BÀ HUYỆN THANH-QUAN

Bà huyện người làng Nghi-fam, nay thuộc về huyện Hoàn-long gần Hà-nội lày chồng người huyện Thanh-trì, làng Nguyệt-áng, tên là Lưu-Hầu, đỗ cử-nhan an khoa năm thứ hai đời vua Minh-Minh, làm quan đòn-tri-huyện thì bị cách.»

Bà huyện có văn tài, văn hay lắm, mà văn quát âm lại càng hay, vua nghe tiếng vời vào cung, cho làm nữ giáo-tập, đê dạy cung nhân và Công-chúa.

Văn bà rất đứng-dắn, âm luật hơi giống Đường-thi, kè sau này cũng không may nhà văn-sĩ làm bãng, chỉ phải trong một bài thi phần nhiều còn dùng chữ nhỏ nên chưa được gọi là toàn bích.

Xin lục mày bài sau:

ĐI ĐÒ BUỒI CHIỀU

Thấp thoáng non tiên lác đác mưa,
Bút thần khôn vẽ thú tiêu-sơ ;
Xanh om cồ-thụ tròn giương tán,
Trắng xóa tràng-giang phẳng lặng tờ ;
Bầu giốc quan sơn say chập rượu,
Túi nghiêng phong nguyệt nặng vì thơ ;
Biết bao tao khách tình đi lại,
Thấy cảnh này ai chẳng thẫn thờ.

Một câu thứ 5, 6 nữa :

Còi mực thét giăng miền khoáng-giã,
Chài ngư tung gió quãng bình sa.

GIỜI HÔM NHỚ NHÀ

Chiều giờ bảng-lảng bóng hoàng-hôn,
Tiếng dốc xa đưa lẵn trống đồn ;
Gác mái, ngư-ông về viễn-phố,
Gỗ sừng mục-tử lại cồ-thôn ;
Ngàn dâu, gió cuốn chim bay mỏi,
Dậm liễu sương thưa khách bước đồn.
Kẻ chổn trương-dài người lữ-thứ,
Mấy ai mà kè nỗi bàn-ôn.

QUA NÚI ĐÈO-NGANG

Qua núi đèo-ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa ;
Iom-kłom dưới núi tiều dăm chú,
Lác-dác bên sông, chợ mấy nhà ;

Luyến chủ, đau lòng con cuốc-cuốc,
Thương người mỏi miệng cái đà-đà;
Dừng chân ngảnh lại giờ, non, nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta

QUA CHÙA TRẦN-BẮC

Trần-bắc hành-cung cỏ dãi dầu,
Khiến người qua đó chênh lồng đau;
Mấy giờ sen héo hơi hương ngự,
Năm thức mây phong nếp áo chầu;
Sóng lớp phế hưng, coi vẫn dặn,
Chuông hồi kim cò, lắng càng mau.
Người xưa cảnh cũ nào đâu tá?
Khéo ngăn-ngơ! chờ lũ trọc dầu

THĂNG-LONG THÀNH HOÀI CỘ

Tạo-hoa gây chi cuộc bí trường,
Đến nay thấm-thoắt mấy phong sương;
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Ngõ cũ lâu dài bóng tịch-dương;
Đá vẫn bền gan cùng tuế nguyệt,
Nước còn chau mặt mấy tang thương;
Nghìn năm gương cũ soi kim cò,
Cảnh dấy người đây luống đoạn trường!

VUA SAI ĐỀ CÁI CHÉN VẼ SƠN THỦY

Như in thảo mộc giờ Nam lại,
Đem cả sơn hà đất Bắc sang.

Bà Huyện có câu đối dán tết rắng:
Duyên mầy văn-chương nên giàn chữ,
Nợ gì giờ đất phải giồng nêu.

Nghé đâu quan Huyện bị cách cung vì bà: đâu có một
người đàn-bà tên là Nguyễn-thị-Đào kiệu chồng sinh-phụ,
quan Huyện đi vắng, bà phê ngay vào đơn rắng:

Phó cho con Nguyễn thị-Đào,
Nước trong leo-léo cầm sào đợi ai!
Chữ rắng: Xuân bất tái lai,
Cho về kiểm chút, kéo mai nữa già.

Vì bà phê mày chữ, sau chồng Thị-Đào đi thưa, nên
quan Huyện phải cách.

ĐỀ ĐỘNG LIÊN-HOA

Quan Phạm-văn-Nghi, người làng Tam-đắng, huyện
Đại-an, tỉnh Nam-định, đỗ Hoàng-giáp đời vua Minh-
Minh thứ 19, làm quan đèn Thị-giảng Học-sĩ, sung
lãm chức Doanh-điền Chánh-sứ tỉnh Nam-định và Hải-
phòng, sau về ẩn ở động Liên-Hoa (Ninh-bình) có để
hai bài thơ này:

1. Ta chẳng chêu ai chẳng ghẹo ai,
Ôn vua về ở động Thiên-thai;
Thiên-thai chỉ có non cùng nước,
Non nước làm vui gác chuyện ngoài.
2. Một gánh cần câu tời thạch bàn,
Cá tuy không được chỉ ngồi gan;
Dù ai xem giở cười không cá,
Không cá nhưng ông đã được nhàn.



Quan Hoàng-giáp ở nhà có viết chơi mây chữ treo trên vách như sau này:



Ngài bảo « Hết ai trong đây mà đọc thành ra bôu câu thơ nôm thìxin thờ làm tbầy ». Không ai đọc đưọc cả. Sau có ông l hairy ở trong làng đèn chơi bao ngài rắng: « Nghe nói anh có đồ mây chữ mà không ai đọc đưọc, tướng câu ày cũng chả khó gì, để ta đọc cho mà xem », rồi cụ đố đọc thành bài thơ này:

Ba xuân nho-nhỏ một xuân tròn,
Bốn cảnh bồng nhau một cảnh con ;
Hồ rộng thênh-thang ngư lộn ngược.
Non cao chót-vót điêu nằm ngang.

Các bài thơ không có tên người làm

MUA QUAN-TÀI

Ba vua, bốn chủ, bầy thằng con,
Thẩm thoát xuân thu bầy chục tròn ;
Ơn nước chưa đèn danh cũng hồ,
Quan-tài sẵn có chết thì chôn ;
Giang-hồ, lăng-miếu giờ đôi ngả :
Bị gậy, cân đai đất một hòn ;
Cũng muốn sống thêm mươi tuổi nữa
Sợ ông Bàn-bồ lồng đồng mõm.

KHÔNG CHỒNG TRÔNG BÔNG LÔNG

(Hạn lây 5 chữ đầu bài làm 5 vần)

Bực gì băng gái chực phồng không !
Tơ-tưởng vì chưng một tấm chồng ;
Trên các rồng mây ngao-ngán nhẹ,
Bên giới cá nước ngần-ngo trống ;
Mua vui lăm lúc cười cười gượng !
Bán mệt đòn phen nói nói bông ;
Mới biết có chồng như có cánh.
Giang san gánh vác nhẹ băng lông.

NHỚ BẠN CŨ

Muốn hở môi ra những hẹn-thùng,
Chữ tình ai nỡ rút cho xong ;
Những người trong cuộc nhiều người lạ,
Mà cửa trên đòn vốn của chung ;
Duyên phận ngắn cho thân thiếu-nữ,
Tài-hoa gầy cả mặt anh-hùng !
Thôi thôi còn nói làm chi nữa,
Ghen ghét thêm cho truyện có không.

Hai bài vịnh sứ :

VỊNH BÀ TRIỆU-ÀU

Không duyên không kiếp cũng không chồng.
Cái nợ tràn-hoàn cái nợ chung ;
Nhắm mắt rời chân coi tạo-hóa,
Kè vai vắt vú gánh non sông ;

Sành cùng hai gái dòng con Lạc,
Thương lấy trăm giai giỗng họ Hồng :
Mới biết rồng tiên dòng-dối tốt,
Xui ra nhi-nữ cũng anh-hùng.

VỊNH PHỤC BA TƯƠNG-QUÂN

Trèo non vượt biền tốn bao công,
Một trận bồ Tây chút vãy-vùng ;
Quắc-thước kheo chi mình tóc trắng,
Cân thoa đọ mấy khách quần hồng ;
Gièm chè đã chán đầy mâm ngọc,
Công-cán ra chi mấy cột đồng !
Ai muốn chép công ta chép oán,
Công riêng ai đó oán ta chung.

BÀI LÀM CHƠI

Đường mây qua lại vỏ câu giong,
Chán mặt non sông những hẹn-thùng ;
Mùi thế thử chơi chừng ấy đủ,
Cuộc đời đã biết lúc nào xong ;
Thôi thôi cũng lây cùng chung-đỉnh,
Khéo khéo còn rầy với kiếm-cung ;
Lèo đèo điền-viên cam một thú.
Hoa đào năm ngoái gió cơn động.

THÍCH CÂU TỤC-NGỮ

« Ngày xưa anh bùng, anh beo,
« Tay cắt chén thuốc, tay đeo mũi chanh ;

« Bay giờ anh khòi anh lành,
• Anh ơi duyên mới anh dành phu tôi ».

Đắng cay dạ thiếp khi xanh mặt,
Mời cũ lòng chàng lúc đỏ da.

THÍCH CÂU

« Mẹ ơi! con đã có thai,
« Con ơi! Mẹ cũng được vài tháng nay ».

Mừng mẹ có con, con có cháu,
Rồi con lên mẹ, mẹ lên bà.

NHỚ BẠN THÂN

Một chén tinh, say, cười, nói khóc,
Năm canh thức, ngủ đứng, đi, ngồi.

THÍCH CÂU CHUYỆN KIỀU

« Duyên em dù nỡ tơ-hông,
« May ra khi đã tay bồng, tay mang ».

Cái thân phận chị đã dành rồi,
Còn chút duyên em những ngậm-ngùi;
Dù nghĩa chàng xưa mà vẹn một,
Âu tình cháu nó cũng bùa hai.

CẨM HOÀI

Còn nước, còn non, còn vũ-trụ,
Có giờ, có đất, có vua tôi.

THƠ VOI LẤY VĂN GÀ

Bong bong cồng đánh tiếng xa xa,
Chẳng phải voi xin cuộc mọt gà.

THƠ CHUÔNG LẤY VĂN UÔNG

Một đàn thằng ngọng rủ xem chuông,
Nó bảo nhau rằng ấy cái uông.

• Hai bài này đều không hay gì, nhưng cũng có tài
Tương truyền văn ở đời nhà Lê ».

THỜI VĂN

ĐỀ ÁNH NGƯỜI CON GÁI BÊN TÂY

Cô nước nào, da trắng, trắng hung?
Hỏi cô, cô chẳng nói nǎng cùng!
Nước đời được mấy người như thế,
Mới nửa trên mà đã muốn tròng.

Nguyễn Tri-Phù : Nguyễn-Kế,

PHÚ ĐẮC ĐÃ NGÁN CHO ĐỜI LẠI SÓT HOA

Tài thế mà hoa cũng thế à?
Đau lòng đau lâm nỗi gần xa;
Giang-hồ đã cảm tình lưu-lạc,
Son phấn thêm càng phận sót-xa;

Giời đè chi hoài người thẽ nhỉ,
Đời còn ai biết nỗi niềm ta !
Phen này chạy giầy năm châu đủ,
Góp lấy vàng chung, đúc lấy nhà.

Cử-nhân : Lương-quí-Lập.

ĐÊM DÀI

Đêm sao đêm mãi tối mò-mò,
Đêm đến bao giờ mới sáng cho ?
Con trẻ u-ơ chừng muốn dậy,
Ông già thủng-thắng vẫn đâm ho ;
Ngọn đèn ngờ trộm khêu còn bé,
Tiếng chó khinh người cắn vẫn to ;
Hàng-sóm anh em đã tinh chửa ?
Tỉnh rồi đánh tiếng gọi làng nho,

THƯƠNG NGHÈO

Cái khó theo nhau mãi thê thoi,
Có ai, hay chỉ một mình tôi ;
Bạc đâu ra miệng mà mong được,
Tiền chửa vào tay đã hết rồi ;
Van nợ lắm khi tràn nước mắt !
Chạy ăn từng bữa toát bồ-hôi,
Biết giầy thuở bé ra làm quách,
Chẳng ký không thông cũng cậu bồi,

Tú-tài Từ-diễn-Đồng

TẬP THƠ ÔNG TÚ-XƯƠNG

(Ông Tú tên là Nguyễn-tè Xương người làng
Vị-Xuyên (Nam-Định))

BUỒN ĐÊM DÀI

Sức tinh trông ra ngõ sáng oà,
Đêm sao đêm mãi thế du à?
Lạnh-lùng bốn bề ba phán tuyết,
Xao-xác năm canh một tiếng gà;
Chim-chóc hãy cõa nương cửa tồ,
Bướm ong chưa thấy lượn vườn hoa;
Dù ai có muõa tìm ta đó,
Đánh đuốc soi lên kẽo lẩn nhà.

KHI TÚNG.

Lúc túng.toan lên bán cả giờ,
Giờ cười thảng bé nó hay chơi;
Ô hay công nợ âu là thế,
Mà vườn phong-lưu suốt cả đời;
Tiền bạc phó cho con mụ kiếm,
Ngựa xe chẳng có lúc nào ngơi;
Còn dăm ba chữ nhồi trong ruột,
Khéo khéo không mà nứa cũng rơi.

NHỚ BẠN THÂN

Ta nhớ người xa cách núi sông,
Người xa xa có nhớ ta không?
Sao đương vui vẻ ra buồn bã,
Vừa mới quen nhau đã lạ-lùng;

Lúc nhở nhở cùng trong mộng tưởng,
Khi riêng riêng cả đến tình chung ;
Tương-tư chẳng lọ là mưa gió,
Một ngọn đèn xanh trống điềm thùng.

VIẾNG VỢ ANH EM BẠN

Kìa núi Vu-phong mới bắc cầu,
Thương anh về trước, bị về sau !
Tên đẽ bằng phẩn ai không tiếc,
Tiếng khóc non xanh kẽ cũng sầu !
Có mẹ hãy còn vui gượng lại,
Không chồng hồ dẽ sống chi âu ;
Bắc thang muôn hỏi ông cầm sô,
Thăm-thăm giờ xanh ngắt một mầu.

NUỚC LỤT NĂM BÍNH-NGỌ (1905)

Suốt trong một tháng mấy kỳ mưa,
Ruộng hóa ra ao cỏ dẽ bùa ;
Bát gạo Đồng nai câu chuyện cũ,
Con sáo Bính-ngo nhớ năm xưa ;
Trâu, bò buộc cẳng coi buồn nhỉ !
Tôm, tép vang mình đã xướng chưa ?
Nghe nói miền nam giờ đại-hạn,
Sao không san-sẻ nước cho vừa.

TRÔNG BẢNG THI

Mai mà tờ hỏng, tờ đi ngay,
Giỗ tết từ đây nhớ lấy ngày ;
Học đã tốn cơm nhưng chưa chín,
Thi không ăn ớt thế mà cay ;

Bút, nghiên giao mặc dàn con trè,
Thưng đẩu nhờ lưng một mè mày : (*vợ buôn gạo*)
Cống-hỉ, mét-sì đây thuộc cả,
Không sang bên bắc cũng sang tây.

THƯƠNG NGƯỜI TRÁI DUYÊN

Thương ai mà lại tiếc cho ai,
Ai thế như ai nghĩ cũng hoài ;
Kia cái dã-tràng xe cát bè,
Mà con chim cú đậu cành mai ;
Chẳng qua kiếp trước đường tu vụng,
Nào trắc ba sinh xếp chữ bài ;
Non nước thè nguyễn thôi xi-xóá,
Quỉ thần nào chứng ở hai vai.

CÔ TÂY ĐI TU

Dứt cái mày-day ném xuống sông,
Thôi thôi tôi cũng mét sì ông ;
Âu đành chùa đó âu đành bụt,
Cũng chẳng con chi, cũng chẳng chồng,
Chờ thấy câu kinh mà mặc kệ,
Ai ngờ chữ sắc hóa ra không ;
Tôi đây cũng muốn như cô nhỉ !
Cái nợ trần-duyên dũ chưa xong.

HỎI THĂM ÔNG ẤM

Tôi hỏi thăm ông đến tận nhà,
Trước nhà có miếu có cây đa ;
Vườn ao đất cát chừng ba thước,
Nứa lá tre-pheo đủ mọi tòa ;

Mới sáu bận sinh đà sáu cậu,
Trong hai dinh ở đủ hai bà :
Lưng ông mốc thêch như trăn-giò,
Ông được phong lưu tại nước da.

VỊNH NGƯỜI ĐI THI

Ta thấy người đi ta cũng đi,
Cũng lều, cũng chiếu, cũng đi thi !
Đưa chân vợ tốn mươi đồng hắn,
Sờ bụng thầy không một chữ gì ;
Ơn nước còn nhờ tăng giải ngạch,
Phúc nhà may được miễn tràng qui ;
Xong ba kỳ ấy thêm kỳ nữa,
Ú ớ u âu ngọn bút chì.

ĐAU MẮT

Vui chẳng riêng ai ốm một mình.
Có người, người cũng khéo làm thinh ;
Vừa đồng bạc nhớn ông Lang-Sán,
Lại mấy hào con chú Ích-Sinh ;
Gọi vợ, vợ còn dương chạy gạo,
Tìm con, con cũng mải chơi đinh ;
Muốn mù giờ chả cho mù nhỉ
Dương mắt coi chi buổi bạc tình.

CHƯA MAY ÁO

Bức sốt như mình vẫn áo bông,
Ngỡ rằng ốm dậy chả là không ;
Một đòn rách-rười con như bỗ,
Ba chữ nghêu ngao vợ chán chồng ;

Đất chưa đến khi cơn vận đỗ,
Giời làm cho bõ lúc chơi ngông ;
Gần chùa, gần cảnh ta tu quách,
Cửa phạt quanh năm sẵn áo sòng,

CƯỜI MÌNH

Chẳng phải quan, mà chẳng phải dân,
Ngơ-ngơ ngẫn-ngẫn hóa ra dần ;
Hầu con chè rượu ngày sai vặt,
Lương vợ ngô khoai tháng phát dần ;
Có lúc vênh râu vai phụ-lão,
Cũng khi lên mặt dạng văn-thân ;
Sống lâu, lâu để làm gì nhỉ,
Lâu để mà xem cuộc chuyền-vần.

RUỘU SAY

Đời này thức tỉnh những ai đây,
Ai tỉnh cho ta chịu tiếng say,
Buồn ruột cho nên men phải nhấp,
Dở mồm nào biết giọng là cay ;
Bạn cùng qui rãy chi cho bạn,
Vui mấy ma men thế cũng hay ;
Ngất-ngưởng hai tay vơ đũa chén,
Đố ai chánh được cái say này.

GIỜI HÒM

Mặt giờ dã gác quãng đường xa.
Lững thững non sông chưa đến nhà ;
Muốn bước, xa chân toàn đất khách,
Hỏi thăm, lạ mặt những người ta ;

Bóng cây nghiêng-ngửa coi rầu-rĩ,
Tiếng dế vo ve rọng thiết-tha ;
Ngảnh lại thử xem giờ đất tí,
Tối lâu lâu cũng sáng dần ra.

TẶNG NGƯỜI VAY NỢ SỰ KHÔNG ĐƯỢC

Ông bám ông ăn đứa trọc đầu,
Đầu không có tóc bám vào đâu ;
Nghĩ mình nghiệp nặng cho nên kiết,
Đành nó ăn chay ý hẳn giầu ;
Một vốn bốn lời mong có lãi,
Năm liều bảy lĩnh cũng không cầu ;
Thế mà không được buồn cười nhỉ,
Không được thì ông lại xuống tàu.

ĐUA CHO BẠN TRONG NHÀ PHA

Cái cách phong lưu lợ phải cầu,
Bỗng đâu gặp những chuyện đâu đâu ;
Một ngày hai bữa cơm kè cửa,
Nửa bước đi ra lính phải hầu.
Trong tinh mẩy tòa quan biết mặt,
Ban công ba chữ xác ngang đầu ;
Nhà vuông thông-thả nằm chơi mát,
Vùng vẫy tha hồ thế cũng âu.

LẠC ĐƯỜNG

Một mình giữa đường quãng đường xa,
Có gặp ai không dễ đợi chờ.
Nước biển non xanh coi vắng-vé,
Kẻ đi người lại dang bơ vơ ;

Gọi người chỉ thấy mây xanh ngắt,
Đợi nước càng thêm óc bạc phờ;
Đường đất xa khơi ai mách bảo,
Biết đâu mà ngóng đến bao giờ.

ĐÊM BUỒN

Giời không chờp bè mẩy mưa nguồn,
Đêm nǎo đêm nao tờ cũng buồ :
Ngủ quách, sự đời thay kẻ thức,
Bên chùa chú trọc đã hồi chuông.

CHỮ NHO

Nào có ra gì cái chữ nho,
Ông Nghè, ông Cổng cũng nắm co ;
Ước gì đi học làm thày pháo,
Tối rượu sâm-banh, sáng sữa bò

ĐỒI THI

Nghe nói khoa sau sắp đồi thi,
Các thày đồ cồ, đồ mau đi ;
Dẫu không bia đá, còn bia miệng,
Vất bút lông đi, dắt bút chì.

CÔ LÁI BUỒN

Nước buôn như chị mời ăn người.
Chị thấy ai thì chị cũng cười ;
Chiều khách quá hơn nhà thồ ế,
Đắt hàng như thế món tôm tươi ;

Quanh năm ngày tháng đều như một,
Bè-bạn chơi bời cũng chịu lui;
Còn một nửớc buồn này cũng lạ,
Buồn buồn bán mệt lũ anh đuôi.

VỊNH CÔ ĐẦU

Cái thú cô đầu nghĩ cũng hay,
Cùng nhau dan-diu mấy đêm nay;
Năm canh to nhỏ tình ma chuột,
Sáu khắc mơ-màng chuyện nước mây;
Em-ái cung đàn chen tiếng hát,
La-dà kẻ tỉnh dắt người say;
Thú vui chơi mãi mà không chán,
Vô tận kho giờ hết lại vay.

VỊNH NGƯỜI GÁI HÓA

MUỐN KẾT DUYÊN MỘT NGƯỜI TÀI-PHÚ

Tôi thấy người ta có nói rằng,
Nói rằng: thằng cuội ở cung giảng;
Vùng giời chi thiếu nơi thanh qui,
Đi nguyệt dung chi dứa cục-cần.
Ngồi gốc cây đa, đa mọc rẽ,
Thò chân xuống giếng, giếng ai ăn;
Ai ngờ người thế mà ra thế!
Ra thế thì ra thế cũng sắng.

VỊẾNG CÔ KÝ MẤT NGÀY MỒNG HAI TẾT

Gái tơ đi lấy làm hai họ,
Năm mới vừa sang được một ngày;
Hàng phố khóc bằng câu đối đỏ,
Ông chồng thương đến cái xe tay,

NGỤ MÌNH

Giời đất sinh ra thực lầm nghè;
Làm thầy làm thợ, lại làm thuê.
Đỗ ai mà được như ông nhỉ?
Sáng vác ô đi, tối vác về.

NHÀ HÁT TUỒNG

Nào có ra chi một lũ tuồng,
Cũng hò, cũng hét cũng y-uông;
Dẫu rắng dỗi được đàn con trẻ,
Cái mặt bõi vôi nghĩ cũng buồn,

ĐƯỢC ĐỒNG TIỀN

Bước chân ra cửa được đồng tiền,
Chả phải tiền đâu được tự nhiên;
Mói biết vua ta là lầm của,
Tên đè Tự-Đức hãy còn nguyên.

TẬP VĂN

BÀI PHÚ DĂN ĐỜI

(Bài giảng bút bã Tiết-phụ làng Hoàng-mai)

Giời đất cao dày, con tạo vẫn soay, ơn vua
nhờ thánh, sinh được hội này, ai đều được nức
lòng nức dạ, ai chẳng mong mở mặt mở mày.
Hậu giả hậu lai, ở hiền lại gấp lành, mới biết
tre già măng mọc; ác giả ác báo, ăn mặn thì

khát nước, khác nào cây yếu gió lay. Trách
những người thịt bắp vai u, đường lui tới, nhẽ
thiệt hơn, ở chẳng trong sau trông trước; nào
những kẻ mặt to tai nhô, tí tang-bồng, duyên hò-
thi, đi cho biết đó biết đây. Dương cơn bình
địa ba đào, có chí làm quan, có gan làm giàu
sao chẳng khoe khôn cậy khéo; gấp lúc cơn
đen vận túng, có mồm thì cắp, có nắp thì dày,
cũng nên giả dại làm ngày. Của bụt mất một
đèn mười, xin chờ ăn chay nói dối; nam vò
một bồ lấy bốn, thà rằng ăn mặn nói ngay. Ngắn
cánh với chẳng đến giờ, trí thiền tài ngu, vòng
danh lợi tranh đua thêm ngán nỗi; ra tay gạo
xay ra cám, vẫn hay vũ mạnh, buồi kinh-luân
vùng-vẫy cũng ghê thay. Bò của chú chó phải lo
con vua vua giấu, con chúa chúa yêu, tình ân-ái
chẳng nhầm chẳng lỗi; đèn nhà ai nhà ấy rạng,
của anh anh mang, của nàng nàng xách, nợ
phong-lưu nơi giả nơi vay. Chị em ơi! lấy
chồng cho đáng tẩm chồng, cho bõ lúc nghiền
phấn sáp, lúc áp hoa hương, hai chữ cương
thường sao cho xứng đáng; quân tử nhỉ! lấy vợ
chỉ biết mặt vợ, chẳng nhớ ai bế anh-nhi, ai bồng
xích-tử, ba năm chứng nước bao quản đắng cay.
Có cha có mẹ như đàn có dây, đạo mẹ đức cha,
bề rộng giờ cao phải quý; thuận vợ thuận
chồng, bề Đông cũng cạn, đạo chồng nghĩa vợ,
nguồn ân bề ái khôn tày. Chị ngã đã có em
nương, máu chảy ruột đau, lá rách lá lành dùm
học; cha sinh không tày mẹ dưỡng, áo đầy

cơm nặng, công nuôi công dạy đêm ngày. Một cây chẳng nên rừng, đồng có mây, tây có sao, đồng đúc anh em mới quí; mười voi không bát sáo, kẻ nói thánh, người nói tướng, chờ nghe miêng thế thêm rầy. Lúc vui bầy chén chú chén anh, rước voi về dãy mồ, ai chết mặc ai, ra sirc nay bần mai cuộc; khi cắp nạn chân le chân vịt, xít chó vào bụi rậm, chú chết mặc chú, tìm đường cao chạy xa bay.

Người Hà-nội, khách Sơn tây, những tiếng thị phi, cũng lầm kẻ khôn người dại; gái giang hồ giai tú-chiếng, mặc ai ngang dọc, tha hồ kẻ bắc người tây. Trẻ chẳng tha, già chẳng thương, ở chẳng phòng xa, vuốt mặt không nề mũi, cha cũng kính, mẹ cũng vái, đi đâu mà thiệt, sảy vai xuống cánh tay. Mưa bao giờ mát bấy giờ, kia những lúc rét cắt ruột, lúc đói nhăn nanh, vẫn đến nhớ đâu khi rách rưới; gió chiều nào che chiều ấy, hãy cho nó qua thì dói, nó khỏi thì nạn, thế nào cũng được bùa no say. Báng đầu thẳng trọc, không nề đầu ông sứ, cứng cổ cứng đầu ai sá những phường ngu-dại; vắng mặt thẳng ngô, lúc có mặt ông sứ, sấp mày sấp mặt vẫn nghe nhời nói xưa nay. Giặc bên ngô, có bên chõng, liệu gió giờ cờ, đường cur-xử sao cho trọn-vẹn; cháu bà nội tội bà ngoại, vì cây dây quấn nhẹ phải chẳng vào dám đổi thay. Giàu đâu ba họ, khó đâu ba đời, đổi cho sạch, rách cho thơm, cứ giữ cõng-băng cho phải đạo, song người một nết,

chết người một tật mẹ sinh con, giờ sinh tính,
hà rắng số phận có ưa may. Thiếu gì kẻ dại
người hay, ai là người dạy-bảo, ai đem đạo mở-
mang, có nhẽ cha chung ai khóc; nhắn-nhủ gai
lành gái tốt, phải nên để vào lòng, phải nên
chôn vào dạ, chờ hè mẹ hát khen hay.

BÀI PHÚ THẾ TỤC

(Năm Minh-Minh thứ 14, người làng An-ninh, huyện
Vĩnh-Suận (nay huyện Hoàn-lêng, tỉnh Hà-đông), thày
thuộc Trần-văn-Nghĩa soạn.)

Góm thay thế tục! góm thay thế tục! nước
chảy bến mê, gió hun lửa dục. Suối liêm mấy
kẻ đầm-đia, đường lợi nhiều người chen-chúc.
Có trung-hậu cũng là trung-hậu bạc, nào đoái
hoài những phường khố rách áo ôm; chẳng nhân
nghĩa gì hơn nhân-nghĩa tiền, phải chiều-chuộng
những kẻ tiền trăm bạc chục. Mập-mờ khôn
cháo, bà lão chôn kim; giáo-giở lừa nhau, vũ
thần miếng mộc.

Khi được thế đất nặn nén bụt, nghe hơi kba-
săm-săm len bước tời, đèn ngõ đèn ruồi; lúc sa-
cơ rồng hóa ra tôm, xem chiều hèn thênh-thênh
vẫy tay ra nát như nước ốc. Chả biết ăn cây
nào rào cây ấy, thấy bở thì đào; chả biết mất
của ta ra của người, cứ mềm thì đục. Khó giữa
chợ chả ai thèm hỏi, chẳng mua thù bán dữ cũng
thờ-ơ; giàu trên rừng có kẻ đi tìm, không ép dấu
nài thương mà dạo-giục.

Mềm lưng uốn gối; tôi tớ đồng tiền; mắm miệng day tay, thế thắn bịch thóc. Lạ buông thả bán buôn chả quản, quen lèn đau càng giáo giở đâu thăng; giàu nề-nang giật mượn không nề, khó kéo đến lại kèo cù lãi gốc. Đến gánh nặng, thật hấn hoi đón rước, miệng thơm-thót ngọt như mía nướng, đuôi gà khua cá tung-bùng; lại tay không; nào nhìn-nhõ ủ-e, mặt sì-sì nặng ngõ đá đeo, mảng chó chửi mèo eo-óc. So kè chẳng sơ tiếng bon-chen; thở lợ lại ghê gan hiềm-hóc. Miệng ngọt nhạt của anh như của chú, thương gì, thương cái cúc khô; tiếng dãi-bôi con chị giống con em, trọng gù trọng con rùa mốc.

Đá đưa đầu lưỡi, tinh những chương-hoàng; sấp ngửa bàn tay rặt mầu phản-phúc.

Cũng khoe-khoang kè trưng phu túng; cũng khủng-khỉnh người quản-lử trúc. Gả bán so từng gốc rạ, kém lưng đành cắn móng tay; bạn-bè dọ những lá gan, hờ cạnh chẳng lia tơ tóc.

Nào từng biết phải biết chẳng; muốn những vừa chao vừa súc. Thấy người sang muốn bắt quàng làm họ, thuyền đua bánh lái cũng đua; làm kè khó muốn đánh đọ mấy giàu, cúc mọc tia-tô cũng mọc. Chẳng nói nên bởi nỗi tay không, chẳng cù đến bởi chưng đầu trọc.

Khó đành phận khó bèo đã biết thân bèo bèo đâu đâm chơi trèo, ai dẽ thương ai, ốc chả nỗi mình ốc, ốc đâu mang được cọc.

Chỗn nghĩa-nhân nhạt-nhẽo hững-hờ; nơi tài
lợi mặn mà săn-sóc. Làng tướng địa bán ruộng
chung thiên-hạ, chỉ tay hồ, chỏ tay long; bợm
cầu duyên, buôn tiền xấu thế-gian, nghĩ mình
vàng khoe mình ngọc. Vụng kiếm ăn thì chê
sắc như vò; khéo lừa-đảo lại khen khôn có nọc.
Trong cúi-luồn năm dạ mười vàng; ngoài uốn-éo
ba lừa bảy lọc. Kẻ xuất gia dắp toan buôn cả bụt,
tu gì mà tu, tu mu, gã nhập môn toan những
lật cả thầy, học gì mà học, học chọc. Ấy thế
mà gấp-ghé đứng tòa sen; ấy thế mà đua chen
nhầm áo vóc. Cũng có kẻ mượn quỉ thần kiếm
lẽ, khua mõ tay, dối bà cô ông mãnh dùng-
dùng; cũng có người mượn nàng dí lấy tiền,
che quạt miệng, nói kẻ khuất người còn song-
sóc. Nhời vô sự bất trách biếng tai nghe; chừ
vô vật bất linh quì miệng đọc.

Bói võ-vẽ vài câu truyen khẩu, cũng mang hòn
kiếm vặt, chưa thông quê chiểu quê cộng (1)
cũng xem; thuốc map-mờ mấy vị nhập tâm, cũng
sách túi chạy dong, chưa rõ con bẽ con hiền (2)
cũng bốc. Chước sinh-nhai như thế có ra gì; nghè
học-thuật nghĩ mình là chín nục.

Sao chả biết cầm đũa soi cho kỹ, nết thực-
thà hơn nết văn-hoa; ăn mắm ngâm về sau,
đường ngang taảng hơn đường gai-góc.

(1) Bói, quê kiến thi nhầm ra quê chiểu, quê lòn thi
nhầm ra quê cộng.

(2) Thuốc, con ti thi nhầm ra con bẽ, con thận thi
nhầm ra con hiền.

Kẻ có nban mưới phần chẳng khó, cờ chi mà
buộc cồ mèo treo cồ chó, lắn-thắn lắn-thắn;
người biết lo bằng kho hay làm, can chi mà
thảm con riếc tiếc con rô, cù dù cúc-dúc. Chẳng
thấy người mua lừa bán đảo, bốc tay sốt đồi tay
nguội, sung-xướng bao ngày; chẳng thấy người
ăn sỏi ở thì, vào cửa mạch ra cửa tà. Khá hay
mấy lúc. Thương người ấy là thương mình;
làm giàu sao bằng làm phúc.

Chú khi ni mi khi khác, gọi là cú có vợ mừng.
ăn miếng chả giả miếng bùi, chờ đê ta cười
người khóc. Giàu về vợ sang về bạn, nhất kiến
như cựu thức, giầy mồng sân-siu; đồng có mây
tây có sao, cửu đại hơn ngoại nban, rách lành
đùm bọc.

Tốt lỏi sao bằng sấu đều; ngõc đàu còn hơn
khôn độc. Miễn được áo ba manh, cơm ba bát,
mặc dầu thủng-thỉnh thung-thinh; nào ai giàu ba
họ, khó ba đời, lợ phải thoi-moi thóc-móc. Thong-
thả nên xem trong sách, gặm cồ nhán đắc thất
đề mà suy; nôm-na gọi phép mấy nhời, khuyên
tử đệ ngôn hành cho kiềm thúc.

BÀI DĂN CỜ BẠC

Góm thay cờ bạc! góm thay cờ bạc! chẳng ớt
mà cay, như sung càng chát! bỏ bả nhau bằng
con bài, đánh cạm nhau bằng đĩa bát. Có không
không có, như chuyện chiêm-bao; khôn dại dại

khôn, lừa nhau mũi mác. Nó cơm có lúc rỗi
nghè; quẳng mồ bầy trò đồ-bác. Một trăm hai
mươi quân trận trận, ba hàng ngang dọc đảo-
diên; bốn đồng mười sau chữ ranh ranh, hai
mặt âm dương sô-sát. Trước chơi sau thực,
mon-men gần đến chuyện ăn thua; vào nhỏ ra
to, kỳ cục mãi ra lòng bạc ác. Được lúc hòn
son đeo khố, từ không thập-hồng bạch-định, chờ
nọc lên chi này đúng-đúng; đương khi đầu rǎn
giắt lưng, nhờ tin cắp-lêch ba-bay, theo lối trúng
khuôn rèn chan-trát. Trước mặt đê đồng tiền sù-
sụ, hỏi lòng mặc sức ba-hoa; trong lưng mang
túi bạc kè-kè, béo mồ tha-hồ phân phát.

Của ngon vật lạ, dưa đến như mưa; bạc đón
tiền dưa, kháo hơi như giác Nào những chú
cao lâu tìm đến, súm quanh mời công-tạo bi-bô;
nào những cô hàng sáo rủ về, tán mảnh chuyện
nhân-tình kia khác. Chắc hẳn giỗ nhà về thôi,
tưởng lăm-lăm những bụng ăn người; biết đâu
phá đun đi xin, chơi mãi-mãi có khi bỏ xác.

Đến lúc họa lai thần ám, bài xoay quanh bỏ
chực bỏ ủ; phải khi vận bī quỉ trêu, bạc đuối
nước càng thua càng khát. Xóa cuộc này bầy
cuộc khác, đen lại hoàn đen; đổi phần nợ bỏ
phần kia, nát thì cũng nát.

Quá tay nên nỗi nợ nần; nóng mặt tìm đường
gõ gạc. Vơ cào vơ cẩu, lãi mấy cũng ừ: lĩnh
già lĩnh non, của ai cũng chạc.

Hàng-sáo gấp phải tay nanh-nọc, giờ đầu bò
vỗ tuột cũng không xong; nặc-nô giây phải lũ
du-côn, săn móng lợn chạy bừa mà chẳng thoát.
Khi mới phải chồn nằm só nhà, khi mới phải lùi
trên só gác; khi mới phải bán cửa bán nhà, khi
mới phải cõi đõ cõi đặc.

Lo đến nợ bòn chồn mất ngủ, đặt xuống nằm
thì lại giật mình; nghĩ đến tiền ngao ngán quên
ăn, nuốt vào cổ hình như mắc chạc. Vợ con
cũng hết lòng thương; bè bạn cũng ra tình nhác
Mất danh mất diện, quá chơi mà nên kẻ lăng-
nhăng; hại thân hại đời, chót đại hóa ra người
ngơ-ngác. Thế mới biết ngồi vào đám bạc, già
không tượng trẻ, thằng cũng như ông; thế mới hay
lâm đến đồng tiền, con chả từ cõi a, cháu không
tha bác. Cao bạ bằng đẳng lão-cáo ào cào; cốt
nhục tương tàn, sác-sơ sơ-sác. Nghĩ đến chữ
tham tài nhi tử, kẻ máu mè thôi chót đại thi
chùa; nhớ đến câu đương cục giả mè, người
trông thấy phải giữ-gìn cho giát.

TẾ TRẬN VONG TƯƠNG SĨ

(Quan Tiễn quân Nguyễn-văn-Thành đứng tè đời vua
Gia-Long ta. Tương truyền: đọc xong bài văn tè ở
đàn bên sông, thi cạn hết ba tuần rượu mà dưới
sông có tiếng khóc ba quân. Quan Vũ-Lượng soạn)

Than ôi! Giời Dởn-phố vận ra Sóc-cảnh, chải
mấy phen dan khổ mới có ngày rầy; nước Lô hà

chảy xuốn Lương-giang, nghĩ những kẻ điêu-linh kè từ thủa nọ. Cho hay sinh là ký mà tử là qui; mới biết mạnh ấy yêu mà danh ấy thọ.

Xót thay! Tình dưới viền mao, phận trong giới trụ. Ba nghìn họp con em đất Bái, cung tên **ngang dọc chí nam-nhi**; hai trăm vây bờ cõi non Kỳ cơm áo nặng đầy ơn cựu chủ.

Liều thân cho nước, son sắt một lòng: nỗi nghĩa cùng thày, tuyết sương mấy độ.

Kẻ thời theo cơ-dịch bước sang miền khách địa, hăm hở mài nanh rủa vuốt chì non doài thè chẳng đội giới chung; kẻ thời tránh việt mao giờ lại chốn sơ-cơ, dập-dìu vươn cánh giương vây, trông cõi Bắc quyết thu về đất cũ.

Năm gai ném mặt, chung nỗi ần-ưu; mở suối bắc cầu riêng phần lao-khổ.

Trước từng trải Tiêm-la, Cao-man về Gia-định mới dần ra Khánh, Thuận, đã mấy buổi sơn phong hải lê giới Cao, Quang soi tỏ tấm kiên-trinh; rồi lại từ Đồ-bàn Nam-ngãi, lấy Phú xuân mà thẳng tới Thăng-long, biết bao phen vũ pháo vân thề, đất Lũng, Thục lăn vào nơi hiềm-cố.

Phận truy-tùy gãm lại cũng cơ-duyên; trường tranh đấu biết đâu là mệnh số.

Kẻ thời chen chân ngựa quyết giật cờ trong trận, sót nhẽ gan vàng mà mệnh bạc, nắm lồng hòng theo đạn lạc tên bay; kẻ thời bắt mũi

thuyền toan cướp giáp giữa dòng, thương thay phép trọng đê thân khinh, phong da ngựa mặc bèo trôi sóng vỗ.

Hồn trắng-sĩ biết đâu miền mịnh mạc, mịt mù gió lốc, thòi dấu tha hương ; mặt chinh-nhân không vẽ nét gian-nan, lập-lòe lửa chơi, soi chừng cõi-dộ.

Ôi ! cùng lòng trung-nghĩa, khác số đoản tu, nửa cuộc công danh, chia phần kim cõi.

Đoái là tiếc xương đồng da sắt, thanh bảo kiếm đã trăm rèn mới có, nợ áo cơm phải giả đến hình-hài ; những là khen dạ đá gan vàng, bóng bạch-cầu xem nửa phút như không, thù đầy đội cũng cam trong phế phủ

Phận dù không các khói dài mây ; danh dã giậy ngàn giêu nội cõi.

Tiếc vì thủa theo cờ trước gió, thân chả quản màn xương đệm giá, những chờ xem cao thấp bậc cân thường ; tiếc cho khi nhở bước giữa dòng, kiếp đã về cõi suối làng mây, nào kịp thấy ít nhiều ơn vũ lộ.

Vâng Thượng đức hời loan tháng trước, đoàn ứng nghĩa dẫu Quảng, Thuận, Nghệ, Thanh cũng vậy, đội ân quang deo khắp xuống đèo ngang ; mà những người từng thương trận ngày nay, dắp tấu công từ ngọ, vị, thân, đậu đến giờ, treo tinh tú đê nằm sau lá sô.

Ngọn cõi dúc nguyệt, nơi tẻ nơi vui; dịp
trổng dồn hoa, chốn tươi chốn ủ. Đã biết rằng
anh-hùng thì chẳng quản, trăm trận một trường
oanh liệt, cái sinh không, cái tử cũng là không;
nhưng tiếc cho tạo-hóa khéo vô tình, ngàn năm
một hội tao-phùng, phận thủy có phận chung
sao chẳng có.

Bản tước nay, vắng việc biên phòng, chạnh
miền viễn-thú. Dưới trường nức mùi trung vạc
sức nhớ khi chén rượu rót đầu ghềnh; trong
nhà rõ vẻ áo xiêm, chênh nghĩ buổi tắm cùu
hong trước gió. Bằng-khuâng kẻ khuất với người
còn; tưởng-tượng thày đâu thì tờ đó.

Nền phủ định tới đây còn sõc-nđi, ngũ lồng
một lẽ, chén rượu, thoi vàng; chữ dữ-đồng
gầm lại vốn đinh-ninh, khắp mặt ba quan, cờ
đào áo đỏ. Có cảm thông thì tới đó khuyên mời,
dù linh thính nhời dạy-dỗ.

Trường chinh-chiến hoặc là oan hay chẳng,
cũng chờ nề kẻ trước, người sau, hàng trên,
lớp dưới, khao hướng rồi, sẽ tấu biền dương
cho; hội thăng-bình đừng có nghĩ rằng không,
dù ai còn cha già, mẹ yếu, vợ hóa, con cõi, an
tập hết cũng ban tồn tuất đủ.

Hồn-phách đâu đều ngày tháng Thuấn, Nghiêu;
hai-cốt đó cũng nước non Thang, Vũ.

Cơ huyền - diệu hoặc thăng chầm chưa rõ,
thiêng thời về cổ quận, dề hương thơm lửa sáng

kiếp tái sinh lại nhận cử tiền quân; miền tổn
thân dù sinh tử chờ nề, thiêng thi giúp Hoàng-
triều, cho bể-lặng sông-trong, duy vạn kỷ chừa
rời ngôi bảo-tộ.

Thượng-hưởng!

BÀI VĂN TẾ QUAN PHÙ-MÃ NGUYỄN-VĂN-
TÍNH VÀ QUAN THƯỢNG-THỦ NGỌC-TÔNG-CHU

(Đời vua Gia-Long, hai ông bị quân Nguyễn-Nhạc,
Nguyễn-Huệ vây ở thành Bình-định, một ông uông thuộc
độc, và một ông đốt cháy chết).

Than rằng: Đạo thần tử hết lòng thờ chúa,
gian-nan từng dãi dạ chung-thành; đứng anh-
hùng vì nước quên mình, biền đãng dám lay
lòng tiết-nghĩa. Ngọc dù tan vê trắng nào phai;
trúc dẫu cháy, đốt ngay còn đề.

Nhớ hai người thao lược ấy tài, kinh-luân là
chi, giúp vạc Hán thủa ngôi giờ chêch lệch,
chém cây đuôi lũ hung tàn; vén xe Đường khi
thế nước chóng-chênh, kè bút ra tay kinh-tế.

Nỗi nghĩa sánh duyên các tía, bước gian nan
từng cậy dạ khuông-phù; nạn kinh giúp sức
cung xanh, công mông dưỡng đã dành lòng
uỷ-ký.

Hậu quân thủa trao quyền tú-trụ, chử ân-uy
nhớn nhỏ đều phu; Lê-bộ phen giúp việc
chinh khanh, bể trung-ái sớm khuya chẳng trễ.

Ngoài cõi vuốt nanh ra sức, chí tiêm cùu đành
đãi xuống tam quân ; trong thành lòng dạ chia lo,
bề ưu quốc đã thấu lên cùu bệ.

Miền biên khὸn hai năm chia sức giặc, vũng đạo
tôi chỉ quản thể là nguy ; cõi Phú-xuân một trận
giậy uy giờ, nặng việc nước phải lấy mìn làm nhẹ.

Sửa mũ áo lật về bắc-khuyết, ngọn quang minh
hun nát tấm trung can, chỉ non sông đã mấy cô-
thành, chén tân-khồ nhắp ngon mùi chính-khi.

Há rắng ngại một phen thi thạch, giải trùng vi
mà tìm tới quân vương, bởi vì thương muôn
mệnh tì hưu, thì nhất tử để cho toàn tướng sĩ.

Tiếng hiệu lệnh mơ màng trước gió, ân tín xưa
người bộ khúc đau lòng ; bóng tinh-trung thấp
thoáng dưới đèn, uy-nghi cũ kẽ liêu-băng sái lệ.

Cơ dǎn-dịch kíp chầy đành hẹn buổi, sót tướng
doanh sao vắng mặt thân-huân ; phận truy-tùy
gang-tắc cũng đèn cộng, tiếc nhung mạc bỗng-thiệt
tay trung-trí.

Nay gấp tiết thu, bầy tuần úy tế.

Hai chữ cương-thường nghĩa nặng, rõ cồn hoa
cùng thỏa chốn u-minh ; ngàn thu quang nhạc khi
thiêng, giúp mao việt để mở nén bình trị.

GIAI PHÚ

(Quan Phó-bảng Phạm-văn-Ái người làng Đồng-tỉnh,
tỉnh Bắc-Ninh soạn).

Uầy kia ai, vô hĩnh vô chừng, tất-ta tất-tỏi,
mặt nết ngung-ngang, ra diều khảng-khai. Ý giận

kẻ độc-phu đồng-ngược. tiếc cơ-đồ mà giả cách
ngần ngơ; hay quen phường đồng-quán vui chơi,
mảng phong cảnh mà nên chiều mê mải

Bởi vì chưng, lúc thoát bẩm-sinh, khi vừa ngang
ngái, giờ già lân-cẫn, phủ-tinh nhầm mà điều chí
bỏ khuây-di; bà-mụ vụng-về, nặn-bình-xấu mà con
tâm-vé-tít-lại.

Khiếu-vốn hép-hồi, nghĩ-không-thông-thái, mọi
việc-mọi-sai, động-làm-động-lôi

Ăn-không-trông-nồi, ngồi-không-trông-hướng,
biết-dâu-chê-sấp-mặt-chi-cầy; chơi-chả-lựa-đôi,
ở-chả-lựa-nơi, coi-chẳng-khác-kẻ-môn-chi-mỗi.

Bát-sát-Thiên-lôi-chi-nói, léo-nhéo-như-mõ-réo
quan-viên; lục-lăng-bát-giác-chi-di, lật-đật-như
sa-vật-ông-vái.

Sẵng-cả-mọi-điều, dở-nào-một-cái, đi-buôn-thì
buôn-buồn-bán-người-ngây, đi-cầy-thì-cầy-nhầm
đôi-luống-lại, đi-gánh-thì-giở-vai-quầy-trước-họng,
lùn-cùn-chi-sur-tử-cụt-đuôi; làm-thợ-thì-mang
nặng-thở-hơi-tai, hồng-học-chi-kỳ-lân-cắn-quái.

Thuốc-thì-chấp-hàn, ôn, bình, nhiệt, bạ-gì-bốc
ấy, đến-chết-hãi-còn-khoe; bói-thì-quen-đan, sạch,
trùng, giao, gieo-đoạn-đoán-liền, rắng-nhầm-mà
vẫn-cãi.

Giở-nghịp-học-hành, hư-thân-trẽ-nải, viết-chữ
xấu-mà-không-thèm-xem-thiếp, gà-bởi-bếp-chi
dọc-ngang; vẫn-làm-dài-mà-chẳng-rút-vào-khuôn,
chó-chạy-đường-chi-nho-nhai.

Cái học học nhầm, cái may may dại.

Khi thi vớ vài câu cũ rich, biết trùng kiến là điều có tội, mà một chữ bẻ làm hai, làm ba không đỗi, cắm đầu viết cổ chẵng gìn tay; khi đỗ vay ít bạc tiêu hoang; biết bội hoàn là cái lệ thường, mà một đồng lãi ra năm, ra bảy chẵng nè, nhầm mắt chơi liều không sợ lãi.

Ngần nào là mê kiệu mê cờ; ngần nào là nghiệp thuốc nghiệp sai.

Ngần nào là chiết rượu đánh đồ chứa chan; ngần nào là uống chè bỏ rơi vương-vãi.

Đánh bạc những mắc tiền màn, quay cựa, cố dần quần lĩnh áo the; đi chơi phải lừa thuốc ngái, bùa-yêu, bán hết ruộng xâu trâu nái.

Lại lúc vác dùi chầu thùng-cắc, tai ngọt câu thơ câu thồng, chết mê chết mệt mấy cô đầu; lại khi lồng đèn bóng tò-mò, lòng ham chiều lịch chiều thanh, hết ruột hết gan cùng bợm gái.

Trước đành trẻ chưa biết nghĩ, tbùng chàm ấy đúng rồi; nay sao già chả chót đời, áo tối kia khoác mãi.

Thôi thì kiểm thuốc chữa dần, tìm thày cúng vái, hoặc số trước mệnh viên có kém, phải tìm sao thai mộ tiễn đưa; hay ngôi xưa tiêu-oánh làm nhầm nên tìm đất cẩn khôn để cải.

Miễn sao cho trước dại như bò; rầy khôn như nhái.

Nói đâu ra đấy, ai cùn z tin nghe; làm ấy điều
nên, người cùng kính dài.

Dẫu gặp đứa thiên tinh địa quỉ, chưa dẽ bán
mà ăn; dù vào nơi vạn tử nhất sinh, đi đâu
không chút ngại.

So họ nịnh không thua đỉnh chút, chải khi
bình khi loạn cũng điều yên; đến thầy Cang còn
kém vài phân, gồm việc nước việc nhà đã hết
phải,

Để cho khách trong đời khen tắc tắc, khôn thế
mời khôn; bao nhiêu điều ngày cũ sạch lâng
lâng, đợi gì mà đợi.

BÀI PHÚ THÀY HỒ ĐI TRỌ

(Lây vân trọ nhà có Quán Kinh)

Quán bất kiến, núi Đại đẳng kia, sông Lê bên
nó; có một thầy đồ hè kỳ mũi lõ; nón dứa giầy da,
áo lương, quần lụa; giọng pha Nguyên-mặc, bài
truyện, bài kinh, hơi luyện Đường-nhân, câu thơ
câu phú; gặp bội phong-vân long hồ, nhà nước
mở khoa, giờ nghè bút nghiên văn-chương, thầy
đồ đi trọ.

Trọ ở đâu à? rẳng ở tinh nhà, mặt rửa chí
chậu thau bể đá, dít ngồi cài chường kỷ ghế hoa,
phong lưu quen thói thị-thành, chốn thanh lịch dãi
người thanh-lịch, nhà cửa quanh năm vắng vẻ,
mẹ dàn-bà con cũng dàn-bà; sự vui được chốn
thanh nhàn, tiếng thì mặc tiếng, chủ cũng yêu người
văn-tự, ta lại gặp ta.

Ư thị, mượn cái đĩa ngô, bầy trăm cau khô ;
viết : tôi anh đồ, xin trọ nhà cô ; gánh tủ sách,
quầy hòm đồ ; này khăn này áo, này thày, này
trò ; sẵn sàng nước rót cơm bưng, ba đồng một
tháng, bè-bẹt rượu ngon nhắm tốt, hai bữa đói
hồ ; tường đồng ai khéo xoay-vần, mắt Kim-
Trọng đói bên ngấp nghé, cửa sổ gió đưa phấp-
phới, đàn Tương-Như mấy khúc nhỏ to.

Phù dĩ ; hương lửa gần quen, tăm hơi chẵng
quản ; một đáy một dây, nén bầu nén bạn ; thày
đồ nghe cึง cứng, gắng sức dài mài ; nhà chủ
mở nồi hàng, ra tay buôn bán.

Mấy quyền tân thanh chi truyện, đọc lại thêm
vui, vài thiênh Trịnh Vệ chi âm, ngâm mà chẵng
chán

Khởi bất dĩ, có thời buôn bán, tôi thời học-
hành ; nhời ăn tiếng nói, nấu sứ sôi kinh ; ngày
sáu khắc, đêm năm canh ; say vì nết, mệt vì tình ;
dù ai dặn ngọc thề vàng, giờ cao bẽ rộng, mặc
kẻ cười hoa cợt nụ, gió mát giăng thanh.

BÀI PHÚ HỎNG THI (*Ông Tú Xương*)

Đau quá đòn gheo, nóng hơn lửa bỏng ; hồ bút
hồ nghiên, tủi lèu tủi chõng ; nghĩ chữ nam-
nhì đặc chí, thêm nỗi thẹn thùng, ngâm đến câu
quyền thồ trùng lại nói ra ngập-ngợng ; thế mới
biết học tài thi phật, miệng đàn bà con trẻ nói
thế mà thiêng, nào ai ngờ chữ tốt văn hay, tài
Bảng-nhỡn, Thám-hoa nhỡ ra cũng hỏng.

Có một thày, dốt chả dốt nào, chữ hay chữ lồng ;
nghiện chè nghiện rượu, nghiện cả cao lâu, hay
hát hay chơi, hay nghè xuống lồng ; quanh năm
phong-vận, áo hàng tàu, khăn lượt, ô Nhật-bản
xanh, ra phố sênh-sang, quần cát bá, tất tơ, giày
Gia-định bóng ; giá cứ chăm nghè đèn sách, thì
mười lăm mười sáu ; đỗ tự bao giờ, chỉ vì quen
lối thị-thành nên một tuổi một già, hóa ra lóng-
đóng. Tú dốt bảng giữa năm Giáp- ngọ, nổi tiếng
đầu trò, con nhà nghè ở đất Vị-xuyên, ăn phần
cỗ lọng.

Năm vua Thành-thái mười hai, lại mở khoa thi
Mỹ-trọng ; kỳ đệ tam văn đã viết rồi ; bản-đệ túr
chứa ra còn ngóng ; thày chắc hẳn văn chương
có mực, mượn khách xem dò, cô mừng thăm
mũ áo đến tay, gấp người nói mộng ; sáng đi lê
phật, còn kỳ này kỳ nữa là xong, đêm dậy vái
giời, qua mồng bốn mồng năm cho chóng.

Nào ngờ bảng nhỏ có tên, ngoại bàn còn chổng :
kẻ đến sáng vẫn còn được chấm, bảng cót
nghênh- ngang, người ngồi khuya tên hãi được
vào, áo dài lụng-thụng. Thi là thế, học-hành là
thế. Tri-kỷ cùng ai, người ở đây hồn phách ở
đâu, than thân mấy bóng.

Thôi thì thôi, sách vỏ mập-mờ văn-chương
lóng- ngóng ; khoa trước đã chảy, khoa sau hẳn
chóng ; ý có kẻ lo-toan việc nước, vua chưa dùng
tài, hay thiếu người dạy dỗ đàn em, giờ còn để
học.

BÀI PHÚ THÀY ĐỒ DẠY HỌC

(Ông tú Xương)

Thày đồ thày đạc, dạy học dạy hành; vài quyển sách nát, ba thằng trẻ ranh; văn có hay đã đỗ làm quan, võng điếu võng thăm, vũ có giỏi thì ra giúp nước, khố đỏ khố xanh; chắc hẳn thày vẫn dốt vũ dát, và lại vừa giàn vừa dở, vậy nên thày lẩn-quẩn loanh-quanh.

Xem thày, con người phong-nhã, ở chốn thị-thành; râu đậm như chồi, đầu to tay dành; đã tắm phen đi đó đi đây, thất diên bát đảo, cũng nhiều lúc chơi liều chơi lĩnh, tú đốm tam khoanh. Nhà lính tính quan, ăn đặt những thịt quay nạp-xường, mặc đặt những quần vân áo xuyến, đặt lè què thói, chõ ngồi cũng án thư bàn độc, ngoài hiên cũng cánh xếp mành mành.

Gần có một mụ, sinh được bốn anh, tên Ông tên Bá, tên Bột tên Bánh; mẹ muỗn con hay, dắp một nõi biền cờ áo mũ chủ rước thày học tính đủ tiền, chè rượu cơm canh; chọn ngày lễ bái, mở cửa tập-tành; thày ngồi chỉnh-chện trò đứng chung-quanh; dạy câu Kiều lầy, dạy khúc lý Kinh; dạy khi lên ngựa xuống xe, đứng ngồi phải phép, dạy lúc cao lâu chiếu rượu, ăn nói cho sành.....

BÀI VĂN VỢ TẾ HẾT TANG CHỒNG

(Người Hà-nội)

Cử-nhân Đoàn-như-Chương soạn

Than ôi ! Non Nùng hạc lánh, sông Nhị mây
trôi; một ngày một vắng, đôi ngả đôi nơi; đạo
vợ nghĩa chồng, duyên ngộ-hợp xiết bao ân-ái,
kẻ về người ở, phận khuê vi nbiều nỗi chua cay:

Thiếp nhớ từ đào non sen ngó, lục thắm hồng tươi;
duyên đắng gió thuận, lá thắm thơ bài ; đàn Tương-
Như giạo khúc phượng-hoàng, xo dây cầm sắt,
cầu Chức-nữ nhờ tay Ô-tước, lựa dịp trúc mai;
tơ đồng đã bén dao loan, năm bầy độ hùng bi
mộng hiệp, dây gửi may nhờ cõi bách, mấy mươi
năm gia thất duyên hài ; khi xem hoa tinh-đế thú
Tây-hồ, yêu hương tiếc nhị, lúc dạo nguyệt đoàn
viên cầu Hoàn-kiếm, chung bóng sánh vai ; biết
bao mây sớm đèn khuya, tóc tơ một ước, vẫn
chắc giờ cao bẽ rộng, non nước còn dài.

Nào ngờ giảng già độc-địa, con tạo trêu ngươi ;
đá mòn sông cạn, ngọc nát vàng phai ; ngao-ngán
nhẽ buồng văn sương-giá, ngắn-ngor nhường gối
chěch giảng soi ; vườn hè dăm chút thơ-ngây,
khuya sớm một mảnh khuyên dạy, sân tử hai chồi
sương tuyết, chân cam ai kẽ đỡ thay.

Thôi thì thôi ! Không không sắc sắc, kiếp kiếp
hồi, hồi ; nợ duyên số trước, may dủi cơ giờ ;
há ông xanh thủ khách hồng nhan, chia uyên rẽ
thúy ; hay dì Nguyệt ghen người má phấn, cậy sắc
khoe tài.

Nay minh dương xa cách ngày tháng đưa thoi,
một đợi tám chín mươi chờ khôn thấy, ba năm
hai mươi bảy tháng vừa rồi; gạt giọt ngọc kính
dâng vài chén, dãi gan vàng quyết đoán một nhời,
đắp lạnh quạt nồng, tắc cổ xin thay người cũ,
gìn vàng giữ ngọc, ôm cầm thề chẳng thuyền ai.

BÀI CA

ĐÁNH CỜ NGƯỜI

(Hô-xuân-Hương soạn)

Chàng với thiếp canh khuya dẫn dọc,
Đốt đèn lên đánh cờ người.

Hẹn răng dấu chí mà chơi,
Cầm ngoại thủy không ai được biết;
Nào tướng sĩ dàn ra cho hết,
Đè đôi ta quyết chí một phen,
Quân thiếp trắng, quân chàng đen.

Hai quân ấy chơi nhau đà đã lũa,
Thoạt mới vào chàng liền nhảy ngựa,
Thiếp vội vàng vén phứa tịnh lên.
Hai xe hả chàng gác hai bên,
Thiếp sợ bí thiếp liền gánh sĩ,
Chàng lừa thiếp đương khi bất ý,
Đem tốt đầu dù-dí vô cung,
Thiếp đương mắc nước xe lồng
Nước pháo đã nổ dùng ra chiếu,

Chàng bảo chịu, thiếp rằng chưa chịu.
Thua thì thua, quyết niu lấy con;
Khi vui nước nước, non non,
Khi buồn lại giờ bàn son quân ngà.

BÀI CA VỢ CHỒNG NGÂU

(Ông Tú-Xương soạn)

Tục truyền tháng bảy mưa ngâu.
Con giờ lấy chú chăn trâu cũng phiền ;
Một là duyên, hai là nợ,
Mỗi xích-thẳng ai gõ cho ra ;
Vụng về cũng thề cung nga,
Trăm khôn nghìn khéo, chẳng qua mục-dồng ;
Hay là sợ ẽ chồng chặng tá,
Dối công đâu kén cá chọn canh ;
Lấy ai, ai lấy cũng đành,
Rề giờ đâu đến cả anh áo buồm.

NÓI CHUYỆN VỚI GIĂNG

Tiết thu dạ giờ quang mây tạnh,
Chốn lữ-định sực tinh canh khuya ;
Tai nghe vắng-vắng bốn bề,
Gương Nga vắng vặc đai hè quế lan,
Thấy giăng mà động lòng vàng,
Ngâm câu vắn nguyệt mà doan mĩ nhời.
Hỏi dì nguyệt mĩ nhời sau trước,
Duyên cớ sao mà được thảm thơi ?

Nguyệt rắng : vật đồi sao dời,
Gương này giờ để cho người soi chung.

Làm cho mỗi mắt anh-hùng,
Ngàn thu sương tuyết, một lòng thanh-quang.

Hỏidìnguyệt có đường lên tới ?

Chốn thèm cung cách mấy mươi xa ?

Nguyệt rắng : ta lại với ta,
Có cây đan-quế ấy là chị em.

Khách trần thử tới mà xem.
Kia gương ngọc thỏ, nọ rèm thủy-tinh.

Hỏidìnguyệt có tình chăng tá ?

Chứnhiênhoa phỏng đã nhường bao ?

Nguyệt rắng : chút phận thơ đào,
Càng lên càng tảo, càng cao càng tròn,

Tấm gương vắng vặc chẵng mòn,
Bao nhiêu tinh đầu là con cái nhà.

Hỏidìnguyệt Hằng-nga mấy tuổi ?

Cứ ngày răm đến tối thì ra.

Nguyệt rắng : ta lại biết ta,
Minh minh trường dạ ai là biết ai,

Vậy nên mở mặt soi dời,
Biết nơi nham hiểm, biết người tà-dâm

Thấy nguyệt hỏi lòng càng yêu nguyệt,

Biết lòng ta có nguyệt hay chăng,

Muốn lên cho đến cung giăng,
Kết duyên cho được chị Hằng mới tha,

Một giăng với lại một ta,
Biết nhau chỉ có canh ba điểm thùng,

Nguyệt thông thả ướm lòng lại hỏi,

Cõi trần gian là cõi làm sao ?

Cuộc đời xem tựa chiêm-bao,
Công-Hầu Khanh-Tướng xôn xao trong vồng.
Tranh nhau vì chút hơi đồng,
Cướp nhau vì miếng đĩnh-chung của giờ.
Nguyệt lại hỏi đến người quân-tử,
Buồm vân-lôi đôi chữ kinh luân,
Ta rằng : đã có thánh thần,
Ra tay bát loạn nén thân trị bình,
Còn phường trực lợi tham danh,
Trò đời xem cũng ra tình phù su.
Nguyệt lại hỏi rặng nho mấy kẻ ?
Quyết ra tay bẻ quế Trường-an,
Ta rằng : cá nước chim ngàn.
Đời nào chẳng có phượng hoàng kinh ngư,
Ta hỏi nguyệt ngàn-ngo ngo ngàn,
Nguyệt hỏi ta thơ thần thần-thơ.
Rèm hoa trước gió phất-phơ,
Hiu-hiu gió thổi hương dưa ngọt ngào,
Canh khuya bóng nguyệt càng cao,
Nguyệt ta, ta nguyệt biết bao nhiêu tình,
Mấy câu ngâm chốn lữ-dịnh,
Có ai biết nguyệt biết mình chẳng ai ?

CÁC BÀI TẬP KIỀU

(Lá đơn hai người có-dâu đèn thưa quan,
bị người dân đánh mợ)

(Huyện Tiên-lãng, tỉnh Kiên-an)

Rắng tôi chút phận đàn-bà,
Song song dưa tôi sân hoa lây qui.

Xót mình cửa các phòng khuê,
Tiên hoa trình trước án phê xem tuờng.
Sá chi liẽu ngõ hoa tuờng,
Dớp nhà nhở luợng người thương dám nài.
Xót người tựa cửa hôm mai,
Ngân ngơ trǎm mỗi, dùi mài một thân.
Tuồng vô nghĩa ở bất nhân,
Đã xoay đến thể còn vẫn chưa tha.
Khéo oan gia, cửa phá gia,
Đang tay dập liẽu vùi hoa toi-bời.
Cúi đầu nép xuống sân mai,
Hết điều khinh trọng hết nhời thi phi.
Ví chăng xét tấm tình si,
Con ong cái kiến kêu gì được oan.
Sao cho cốt nhục vẹn toàn,
Nỗi riêng luống những bàn hoàn niềm tây.
Trộm nhở sấm xét ra tay,
Thể nào xin quyết một bài cho xong.
Đã đưa đến trước cửa công,
Lượng trên trông xuống biết lòng có thương.
Thương sao cho vẹn thi thương,
Liệu bài phuong tiện mở đường hiếu sinh.
Gót đầu mọi nỗi định ninh,
Còn nhiều kết cỏ ngâm vành về sau.

VỊNH HOA THỦY-TIÊN

(Quan Tiên-si Chu-mạnh-Trinh)

Thương ôi, sắc nước hương giờ,
Chơi hoa đã dẽ mấy người biết hoa.

Rõ ràng trong ngọc trắng ngà,
Đào-nuyễn lạc lối đâu mà đến đây?

CÁC CÂU ĐỐI

Cóc cách, cọc cách,
Công kênh, cồng kềnh.

Con cóc leo cây võng-cách, nó ngã xuống cọc,
nó cách đến già,

Con công đi qua chùa Kênh, nó nghe tiếng cồng,
nó kềnh cõi lại.

Cốc cốc đánh mõ rình cót thóc, thử (鼠) đêm
nay chuột có ăn không,

Tùng tùng hồi trống đào cây thông, ô (烏) cành
nọ quạ không đậu được.

Lợn cẩn (艮) ăn cám tốn (巽),
Chó khôn (坤) chờ cắn càn (乾).

VỢ NGƯỜI THỢ NHUỘM KHÓC CHỒNG

Thiếp kê từ lá thăm xe duyên, khi vận tia
lúc cơn đèn, điều dại điều khôn nhờ bối đỏ!

Chàng ở dưới suối vàng nghỉ lại, vợ má hồng
con răng trắng, tim gan tím ruột mẩy giờ xanh.

CÂU ÔNG TÂN-LÝ-THƯỜNG RA CHO ÔNG NGÔ-THỜI SĨ

Ai Công Hầu, ai Khanh Tướng, trong trần ai
ai dẽ biết ai.

Thể Chiến-Quốc, thể Xuân Thu, gấp thời thể
thể thì phải thể.

(Khi ông Ngô-thời-Sĩ làm quan Tây-sơn, ông Thường
đèn chơi, rất là kiêu ngạo, sau ông Thường theo vua Gia-
long ta làm Tham-tán, bắt ông Ngô-thời-Sĩ đèn, ra cho
câu đói ây, đói xong rồi sai đem đánh chết).

DÂN CÔNG ĐƯỜNG

(Quan Thương Chứ)

Hai hụp bốn chử, một lũ nhà-tơ, ngồi chờ
quan - lớn.

Ba bị chín quai, mười hai con mắt, hay bắt
trẻ con.

QUAN THƯỢNG CHỨ RA CHO ÔNG NGHÈ TÂN

Công đăng hỏa có chi đâu, sùng-sảng nhờ
phận lại nhờ duyên, quan trong năm bảy tháng,
quan ngoài tám chín năm, này cờ này biển, này
mũ này đai, này hèo hoa gươm bạc, này tán
tia lọng xanh, khách tài-tình gấp hội kiếm cung,
khắp giờ nam bắc ấy anh-hùng, mùi thế xem
ra chừng đã trải.

Nợ phong trần không vương nůa, ngắt-ngưởng
chẳng tiên mà chẳng tục, hầu gái một vài cõ,
hầu giai năm bầy đúra, nào cờ nào kiệu, nào rượu
nào thơ, nào đàn ngọt hát hay, nào trè chuyên
chén mỗu, tay khí vũ thoát vòng cương tỏa,
lấy gió mát giăng thanh làm bạn lứa, tuổi giờ
thêm ít nůa là hơn.

CÁC CÂU ĐỐI QUAN TAM-NGUYÊN AN-ĐỒ

DÁN NHÀ

Người nước nam hỏi tiếng tây chả biết tiếng
tây, hỏi tiếng tàu chả biết tiếng tàu, cho nên
phải minh tiên-vương chi đạo dĩ đạo.

Nhà hướng bắc người chưa rét thì mình đã
rét, người chưa bức thì mình đã bức, mới gọi
là tiên thiên-hạ chi ưu nhì ưu.

DÁN CHƠI

Quan chả quan thì dân, chiếu trung đình
ngắt-ngưởng ngồi trên, nào lệnh nào trưởng, nào
bàn ba, tiền làm sao, gạo làm sao, củi đuốc làm
saو, loanh-quanh ba vạn sáu nghìn ngày, miếng
má lợn coi thày đà nhẫn mặt.

Già chẳng già nhưng trẻ, chuí tiều-dồng lô-
nhô đứng dưới, này phú này thơ, này đoạn mõt,
ngang là thế, sô là thế, bằng trắc là thế, dǎng-
dǎng mõt năm mươi hai tháng, con mắt gà
deo kính đã mòn tay.

KHÓC VỢ

Nhà tờ vốn nghèo thay, nhờ được bà hay
lam hay làm, thắt lưng bó que, săn váy quai-
cồng, le te chân ngược chân suôi, nhiều lúc dở-
dần khج có việc.

Bà "đi đâu vội mấy, đê một lão vất-vơ vất-
vưởng, búi tóc củ hành, buông quần lá tọa, gật
gù tay đưa tay chén, lấy ai kề-lề truyện trăm
năm.

VIẾNG NGƯỜI LÀNG

Vừa mới họp việc làng, mặc áo địa, dận giầy
tầu, đúng-dindh cũng coi ra dáng kẻ.

Thế mà chết đầu nước, lấp ván thiên, vùi đất
sét, khôn ngoan thì cũng đứt đuôi rồi.

VIẾNG NGƯỜI HÀNG SÓM

Giàu có thiếu chi tiền, đem một vài quan
không phải nhẹ.

Sang không thi cũng bạc, kiếm dăm ba chữ
đè làm duyên.

VIẾNG BỐ VỢ

Chữ nghĩa có gì, cửa sấm nhẹ đâu mang trống lại.
Rè con không nhẹ, nước người nên phải vác
chiêng đi.

CÔ ĐẦU KHÓC MẸ

Dãy làm kép hép làm đơn, tống-táng cho yên
hồn phách mẹ.

Cá kê đầu rau kê mờ, tình tang thêm tủi
lũ đàn con.

VỢ LÒ RÈN KHÓC CHỒNG

Nhà cửa đẽ lầm than, con thơ-dại lấy ai rèn cặp.
Công việc đành bỏ bê, vợ chě chung lầm kẻ đe-loi.

CÂU ĐỐI ÔNG BÙI-HOAN

(Người làng Thịnh-liệt huyện Thanh-trì đỗ Cử-nhân)

Làm cho vợ mừng đỗ Cử-nhân

Mười mấy khoa còn gì, nhờ giờ có phúc có phận.
Năm mươi tuổi mới đỗ, mừng ông càng giảo
càng giai.

MỪNG ÔNG LÃO NHÀ QUÊ LÊN

LÃO 70 TUỔI

Tinh ông hay, hay tửu hay tăm, hay nước trè
đặc hay nấm ngủ chưa, tuổi ngoại sáu mươi còn
mạnh-khỏe

Nhà ông có, có bầu có bạn, có ván cơm sôi,
có nồi cơm nếp, bày ra một tiệc thấy linh đình.

CÁC BÀI HÁT

(Các bài trong tập này phần nhiều trước không có đầu bài, không có đầu bài không những không hiểu văn hay, mà không có thể phân biệt từng bài được, vậy tôi có chọn những câu lục bát trong truyện Kiêu có hợp ý nghĩa về một bài nào, đem đặt thay làm nhan đề cho bài ấy, gọi là một cái đầu riêng chia ghê bài nọ với bài kia).

QUAN CAO-BÁ-QUÁT

(Ngài người làng Phú-thụy, huyện Gia-lâm, tỉnh Bắc-ninh, tên hiệu là Chu-Thần, cùng ông Cao-bá-Đạt để sinh đôi, đều đỗ Cử-nhân, ngài đỗ khoa Tân-mão đời vua Minh-Mệnh ta, làm quan đến chức giáo-thụ thôi, văn-chương rât là phiêu-dật, kè nước ta chưa được mây người, vua Tự-Đức có phê câu thơ rằng: « Văn như Siêu, Quát vô Tiên-Hán » nói văn chương ngài với quan Phó-bảng Nguyễn-Siêu Phương-định, khó lòng văn hay nhà Tiên-Hán đã bằng, đời bấy giờ có câu chuyện rằng: « Thần Siêu, Thánh Quát » đều khen là bực văn tài cả. Có tập văn thơ Cao-chu-Thần để lại sau, không những văn hay, chữ rât tốt, và văn nam âm cũng hay lắm, xin lục bài hát sau này):

1. — NGHĨ ĐỜI MÀ NGÁN CHO ĐỜI

Thể sự thăng trầm quân mạc vẫn,
Yên ba thâm xứ hữu ngư-châu;

Vắt tay nắm nghĩ truyện đâu đâu,
Đem mộng sự, đọ mấy chân thân thì cũng mệt.
Duy giang thương chi thanh-phong, dữ sơn
[gian chi minh-nguyệt ;
Kho giờ chung, mà vô-tận của mình riêng ;
Cuộc vuông tròn phó mặc khuôn-thiêng,
Kẻ thành-thị, kẻ vui miền lâm-tàu,
Gõ dịp lấy, đọc câu tương-tiến-tửu
Quân bất kiến, hoàng-hà chi thủy, thiên thượng
[lai.

Làm chi cho mệt một đời !

2. — NGÀY XUÂN ĐÃ DỄ TÌNH CỜ MẤY KHI

Tài-tử với gai nhọn là nợ săn,
Giải-cầu nan là chữ làm sao ?
Trải xưa nay chừng đã biết bao !
Kìa tan họp nọ khứ lưu đâu dám chắc.
Gai nhọn khứ khứ, hành hành sắc,
Tài-tử chiêu-chiêu mộ mộ tình.
Uầy kìa ai ! như mây tuôn, như nước chảy,
[như gió mát, như giăng thanh ;
Lơ lửng khéo chèo người chi mãi mãi !
Giờ đất có san đi mà xé lại,
Hội tương-phùng còn lầm lúc về sau !
Yêu nhau xin nhớ nhời nhau.

3. — BIẾT ĐÂU RỒI NỮA CHẮNG LÀ CHIÊM-BAO

Nhân sinh thiên-dịa nhất nghịch lữ,
Có bao lăm, ba vạn sáu nghìn ngày,
Như chiêm-bao, như bóng số như gang tay.
Sức nhớ đến cõi-nhân bình chúc ;
Cao sơn lưu thủy thi thiên trúc ;
Minh nguyệt, thanh phong, tửu nhất thuyền ;
Đang tay người tài-tử, khách thuyền-quyên,
Chén rượu thánh, câu thơ thần thích chí !
Thành-thị ý, mà giang-hồ ý.
Đâu chả là tuyết, nguyệt, phong, hoa !
Bốn mùa xuân lại, thu qua.

4. — NGÀY VUI NGẮN CHẮNG ĐẦY GANG

Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy ?
Cảnh phù-du trông thấy cũng buồn cười !
Thôi công đâu mà chắp lấy sự đời,
Tiêu khiển một vài chung lếu-láo !
Đoạn tống nhất sinh duy hữu tửu,
Tầm tư bách kế bất như nhau,
Bóng thiều-quang thấp thoáng dưới Nam-san,
Ngảnh mặt lại cửu-hoàn coi cũng nhỏ !
Khoảng giờ đất, cõi kim, kim cõi,
Mảnh hình-hài không có, có không !
Lọ là thiên tử vạn chung.

5. — VÌ HOA NÊN PHẢI TỎ ĐƯỜNG TÌM HOA

Giai nhân nan tái đặc,
Chót yêu hoa nên dan diu với tình ;

Mái tây-hiên nguyệt dãi chênh-chênh,
Rầu-rĩ mấy xuân về oanh nhớ.
Phong-lưu công-lử đa xuân tú,
Trường đoạn, Tiêu-nương nhất chỉ thư.
Nước sông Tương một dải nồng-chờ,
Cho kẻ đây, người đây mong mỏi.
Bất-rất nhẽ, trăm đường nghìn nỗi!
Chữ chung-tình biết nói cùng ai?
Quản chi gắn bó một hai.

6. — KIẾP HỒNG-NHAN CÓ MONG-MANH

Tự cõi hồng nhan đa mệnh bạc,
Buồn cho ai, mà lại tiếc cho ai!
Duyên chóng-chênh nguyệt-mỉa hoa cười,
Ngao-n án nhẽ, đào-tiền lăn cõi tục!
Đã gác gương loan treo giá ngọc,
Nở hoài chim cú đậu cành mai!
Xuân còn dài, duyên hẫy còn dài,
Thủ đủng-đỉnh xem cơ tiền-định.
Mượn dì Nguyệt thử xe dây xích,
Khách văn nhân với khách giai-nhân.
Sắc tài ai kẻ cầm cân?

QUAN NGUYỄN-QUÍ-TÂN

(Ngài người làng Thượng-cốc, tỉnh Hải-dương, đỗ
Tiền-sĩ năm Nhâm-dần, đời vua Thiệu-trị năm thứ 2,
sau làm Trí-phù).

7. — TRĂM NĂM TRONG CỐI NGƯỜI TA

Nhân sinh thiên địa gian,
Hốt như lữ-bành khách !
Có bao nhiêu, ba vạn sáu nghìn ngày ;
Nợ phong-trần chót đã ăn vay,
Phải trang giả mới là tay chí-khi.
Đã chót nhấp say mùi thế-vị,
Phải tìm phương tinh thuốc phiền-hoa !
Kiếp phù-sinh thảm-thoắt bỗng nê già,
Thì tuyết, nguyệt, phong, hoa cho phỉ chí.
Hỏi những khách tang-bồng hờ-thỉ,
Chốn lâm tuyễn thành-thị mấy tri âm ?
Trăm năm luống những cười thảm !

8. — ĐAU LÒNG KÈ Ở, NGƯỜI ĐI

Thủ địa, thủ nhân, tòng thủ khứ,
Di sâu, di hận, cánh di thương !
Mỗi tình riêng xé nửa bước đường !
Bên bờ liễu ngập-ngừng cơn tống biệt ;
Người viễn khách biết chẳng chẳng biết ?
Mỗi tờ vò vẫn-vít xuốt năm canh !
Khi cung đàn, khi chèo rượu,
Khi gió mát, khi giăng thanh,

Khắc bạch-tuyết bên mình còn vắng-vắng !
Mấy bước tiễn đưa vàng đá nặng,
Ba câu gắn bó nước non tình.
Ganh tương-tư chất nặng bên mình,
Phong cảnh ấy chèo người thêm xác mắc !
Tự cõi giải-nhân nan tái đắc,
Khách tri-âm ở đó, uầy nào đâu ?
Mười phần ta đã tin nhau.

QUAN NGUYỄN-CÔNG-CHÚ

(Ba bài)

(Ngài người làng Uy-viễn, huyện Nghi-xuân, tỉnh Nghệ-an, đỗ Giải-nghịen khoa Kỷ mao đời vua Gia-Long, làm quan đền đời vua Tự-Đức ngài là bực văn-thân lại gồm tài thao-lược, thường lày chức quan văn đi đánh giặc mày lân, đã làm đền Hải-an Tông đỗ bị cách chức, sau lày quan-công khai-phục, lại bị cách chức, thang mây không biết lên xuống mây lân, khi mất, tuổi ngoại 70, còn khai-phục được chức Thừa-triện Phú-doàn. Văn nam âm rất hay, các bài hát lại càng hay lắm, những bài hay có đầu thường hát bảy giờ phản nhiều của ngài cá, xin lọc vài bài sau này):

9. — CẦM ĐƯỜNG NGÀY THÁNG THANH NHẢN

1°

Thị tại môn tiền náo,
Ngu ệt lai môn Lạ nhản,
So lao tâm, lao lực cùn g một đoàn,
Người nhản thế muốn nhản sao được !

Nên phải giữ lấy nhàn làm trước,
Đãu giờ cho có tiếc cũng xin nài
Cuộc nhân sinh, chừng bầy, tám, chín, mười
mươi !

Mười lăm trẻ, năm mươi già không kẽ.
Thoạt sinh ra thì đà khóc chót !
Trần có vui, sao chả cười khi ?
Khi hỉ lạc, khi ái dục, lúc sân-si,
Chữ chi lăm một bầu nhân-dục !
Tri túc, tiện túc, dãi túc, hà thời túc ?
Tri nhàn, tiện nhàn, dãi nhàn, hà thời nhàn ?
Cầm, kỳ, thi, tửu, mấy giang san,
Dẽ mấy kẻ xuất trần xuất thế !
Ngã kim nhật tại tọa chi địa,
Cồ chi nhân tăng tiên ngã họa chi,
Ngàn muôn năm, âu cũng thế ni,
Ai hay hát mà ai hay nghe hát ?
Sông Xích-bich, buông thuyền năm Nhâm tuất,
Đề ông Tô riêng một thú thanh-tao.
Chữ nhàn là chữ làm sao ?

10. — CÔNG DANH AI RÚT LỐI NÀO CHO QUA

2.

Ba vạn sáu nghìn ngày thấm-thoát !
Tự mọc răng cho đến bạc đầu.
Cõi nhục vinh góp lại chừa bao lâu !
Ngồi thử gãm sự đời thêm khéo quá !
Núi tự tại, cờ sao sông bất xả ?
Chim thì lồng, hoa thì cành,

Khéo công đâu, thừa trứ,
Từ nghìn trước đến nghìn sau !
Kết cục lại mỗi người riêng một kiếp,
Nhập thể cục bất khả vô công nghiệp,
Xuất mẫu hoài tiện tự hữu quân thân !
Mà chữ danh liền mấy chữ thân,
Thân đã có ắt danh âu phải có !
Này phút chốc kim rời lại cõ,
Có hẹn gì sau chẳng bằng nay.
Râu mày kia hối râu mày !

11. — TRÊN VÌ NƯỚC, DƯỚI VÌ NHÀ

Tang-bồng hờ-thỉ nam-nhi trái,
Cái công-danh là cái nợ lần !
Nặng-nè thay đổi chữ quân thân !
Đạo vi tử vì thần đâu có nhẽ !
Cũng dắp điền viên vui thú vị;
Chót đem thân thế hẹn tang-bồng,
Xếp bút nghiên theo việc kiểm-cung,
Hết hai chữ trung, trinh báo quốc.
Một mình để vì dân, vì nước,
Túi kinh-luân từ trước để nghìn sau.
Hơn nhau một tiếng công hầu.

12. — DƯỚI TRẦN MẤY MẶT LÀNG CHƠI

Ngâm cho kỹ đến bát nhân là tạo-vật,
Đã sinh người lại hẹn lấy năm.

Kẽ chí thăng lên bầy, đúra lên năm !
Dẫu ba vạn sáu nghìn ngày là mấy chốc !
Lại mang lấy lợi, danh, vinh nhục !
Cuộc đời kia, lăm lúc bi hoan !
E đến khi hoa rữa giăng tàn,
Xuân một khắc dễ nghìn vàng đỏi chắc !
Tế suy vật lý, tu hành lạc,
An dụng phù danh bạn thử thân.
Song bất nhân mà lại chí nhân,
Hạn lấy tuổi để mà chơi lấy.
Cuộc hành lạc bao nhiêu là lãi đấy,
Nếu không chơi thiệt ấy ai bù !
Nghề chơi cũng lăm công phu.

QUAN THƯỢNG NGUYỄN-ĐỨC-NHU

13. — NỒI CHÌM CŨNG MẶC LÚC NÀO RỦI MAY

Nhân sinh thiền địa nhất nghịch-lữ,
Thôi công đâu mà rước lấy sự trắc-gian.
Như chiêm bao, như mây nỗi, như sương tan.
Cơn đắc tán, bi, hoan, dành có lúc !
Vài chung phong nguyệt bầu kim cồ,
Mấy khúc sơn hà, túi gió giăng !
Cuộc tẻ vui, vui tẻ so bằng,
Ai cõi thế, chắc rằng không với cõi !
Kìa Vương Khải, Thạch-Sùng thủa nọ,
Dẫu đến nay tắc lưỡi cũng là hư !
Làm chi giữ lấy khu-khu !

14. — TRÚC MAI SUM HỌP MỘT NHÀ

Nhân thế hẵn phùng khai khẩu tiểu
Khách giang-hồ từng hợp thiều, ly da,
Nay bắc nam xum họp một nhà,
Gồm đủ cả thắng cảnh, lương thì, thường tâm
[lạc sự;

Hào trúc, ai ti dư túy hĩ,
Thế phong minh nguyệt giá hà như?
Thú nguyệt hoa là nợ với cầm thư,
Cuộc thi tửu, để riêng người phong-nhã!
Quàu bất kiến? hoa lạc hoa khai, xuân khứ dã,
Phải chơi cho lăn lóc dã kéo hoài.
Kia kia hải đỗc, thiên nhai!

QUAN NGHÈ NGÔ-THẾ-VINH

(Ngài hiệu riêng là Chúc-đường, người làng Bát-dơng
tỉnh Nam-định, đỗ Tiến-sĩ năm Kỷ sưu, niên hiệu Minh-
Mệnh thứ 10, học-trò thành đạt rất nhiều).

15. - LẦN THÂU GIÓ MÁT GIĂNG THANH

Giang sơn, thu nguyệt bạch,
Não nùng thay, khi gió mát lúc giăng thanh!
Bóng thiềm soi đáy nước long lanh,
Quang cảnh ấy, cũng thanh mà cũng lịch!
Vạn nǎi tịch nhiên thu giá vĩnh,
Nhất hồ oánh nhĩ, nguyệt minh thâu
Đàn năm cung, thơ một khúc, cờ một cuộc,
[rượu một bầu.

Tiếng ca-quán một vài câu khiền-híng !
Chèo mấy mái thuyền lan lửng-thủn ;,
Bạn mấy người tài tử tiêu giao ;
Non mấy tùng, đá mọc so le,
Cầu một dẹp, bắc ngang sông Vị-thủy,
Hội Xích-bích nợ năm Tuất nhỉ !
Thú phong-lưu há một Tò-công,
Giăng thanh gió mát kho chung,

16. — ĐỜI NGƯỜI ĐẾN THẾ THÌ THÔI

Nhân sinh thích chí, chẳng gì hơn :
Tiền cho nhiều, vợ cho đẹp, đàn cho ngọt, hát
[cho hay]
Nợ phong lưu, chơi hết lại vay,
Kho vô-tận, không rồi lại có !
Mẫn viện lý đào như hữu chủ,
Bách ban hoa thảo cán thâu thùy.
Khi cung đàn, khi chén rượu, khi túi thơ,
Thu-xếp cả phiền-hoa vào một cục.
Thú vị ấy, choi cũng tục, mà chả chơi cũng tục.
Choi thì chơi cho nước Hán sang Hồ,
Nước Tần sang Sở nước Ngô sang Lào,
Biết đâu rồi chả chiêm bao.

QUAN TAM-NGUYÊN NGUYỄN-KHUYẾN

Sáu bài

(Ngài người làng An-đô, huyện Bình-lục, tỉnh Hà-nam, đỗ Nhị-giáp tam-nguyên khoa Tân-vị, niên-hiệu vua Tự-Đức ta năm 24, làm quan đền Sơn, Hưng, Tuyên Tông-đắc (trước ta có chúa Tông-đắc gồm hai ba tinh) cáo về, lây thơ rượu làm vui ngâm vịnh rất nhiều, có tập văn Quê-sơn để lại. Các lối văn Quốc-âm như: lục bát, thơ, phú diễn âm, và bài hát điệu hay. Vừa khoa-danh vừa sự-nghiệp, vừa khí-tiết, vừa văn-chương. quâc-triều ta cũng chưa thấy mày. Xin lục dăm bài sau này).

17. — TIẾNG KHOAN NHƯ GIÓ THỎI NGOÀI

1° — Giả cách điếc

Trong thiên-hạ có người giả điếc,
Khéo ngo-ngo ngác-ngác, ngờ là ngày!
Chả ai ngờ sáng tai họ, điếc tai cầy,
Lối điếc ấy sau này muốn học.
Tọa chung đàm tiếu nhân như mộc.
Giả lý phan viên nhĩ tự hầu;
Khi vườn sau, khi ao trước, khi điếu thuốc,
Khi miếng giàu, khi chè chuyên dầm bầy chén
[khi Kiều lẫy một đỗi câu.
Tỉnh một chốc, lâu lâu rồi lại điếc.
Điếc như thế, ai không muốn điếc?
Điếc như anh dẽ học du mà.
Hỏi anh, anh cứ ậm à!

18. — MẮT XANH CHẮNG ĐỀ AI VÀO
CÓ KHÔNG ?

2^o — Bài hát xẩm

Anh nay mục hạ vô nhân,
Nghe em xuân-sắc mười phân não nùng !
Dù em môi phấn má hồng,
Nhưng nhường anh có thèm trông đâu nào !
Lấy anh đi trước cho hào,
Dù ngọt, dù ngọt, dù sao mặc lòng !
Nhủ em, em có nghe không ?
Hãy còn ngồi đây hay bong đi rồi !
Nhắc tay sờ chốn em ngồi.

19. — TRO NHƯ ĐÁ, VỮNG NHƯ ĐỒNG

3^o — Bài Phỏng đá

CÂU MIỄU

Người đâu ? tên họ là gì ?
Hỏi ra chích-chích chi-chi, nực cười !
Vắt tay ngảnh mặt trông giờ,
Còn toan lo tính sự đời chi đây !

Thấy lão đá lờ-đờ muỗi hỏi ?
Cớ làm sao luồn-lỏi tới chi đây ?
Hay mảng vui huê cỏ, nước non này ?
Chừng cũng muốn dan tay vào hội lạc !
Thanh-sơn tự tiếu, đầu tương hạc,
Thuơng-hải thùy tri túc diệc âu !
Thôi thôi đừng nghĩ truyện đâu-dâu !

Túi vū trụ mă: đàu sau gánh vác!
Duyên hội-ngộ là duyên tuổi tác,
Chén chú, chén anh, chén ôi, chén bác,
Cuộc tỉnh say, say tỉnh một vài câu!
Nên chẳng đá cũng gật đầu.

20. — BỤI NÀO CHO ĐỨC ĐƯỢC MÌNH ẤY VAY

5º — Mẹ Mộc

Mẹ Mộc là một con mẹ đặt ở về vùng tinh Nam,
Thường lây than, đát xoa đèn nhọ cà minh đì, có
người cho mụ ta vì bực mình một sự gì, già cách
ra như thế, thực không phải dại.

So danh giá ai bằng mẹ Mộc!
Ngoài hình-hài, gấm, vóc cũng thêm ra,
Tấm hồng-nhan đem bôi lấm, xóa nhòa.
Làm thế để cho qua mắt tục,
Ngoại mạo bắt cầu như mỹ ngọc,
Thân trung thường thủ tự kiên kim.
Nhờ chồng con muôn dặm xa tìm,
Giữ son sắt êm-đèm một tiết,
Sạch như nước, trắng như ngà, trong như tuyết,
Mảnh gương trinh vắng vặc quyết không nhớ
Đắp tai ngảnh, mặt làm ngo,
Răng khôn cũng kê, răng khò cũng thay,
Khôn em dẽ bán dại này.

21. — PHỤ TÌNH NỒI TIẾNG LẨU XANH

6°

Nết đau, nết lạ !
Thấy cô đầu gầm - gã chực cười nô,
Rượu cưa say, mòi đủ trăm hồ ;
Hãm cơm cháo mòi về còn lắc !
Liếc mắt nhanh tình nhanh cái cắt,
Chém môi vô-tích phóng con hươu !
Vui anh em thời ra phết phêng-lưu,
Rút cục lại chủ nhiêu K iều là họ nội.
Khen ai khéo đưa đường chỉ lối,
Chị em ta thè giối thẽ mà thiêng.
Từ rầy hê tẩy thì kiềng.

22. — TRÔNG VỜI CON NƯỚC MÊNH-MÔNG

Tây-hồ

(Tây-hồ ở phía bắc thành Hà-nội, chu vi 27 dặm
đến mùa thu trồng ra, thực là giới nước mênh-mênh,
mùa bạ sếu mọc nhiều, thả một lá thuyền chơi,
thật không khác gì như đem mình đương ở chôn hồng-
trần ra ngay miêu Nhược-thủy, cũng là vương-kí đất
Thăng-long, từ trước xếp đặt sẵn cho trong thành-thị
có riêng một cảnh-chí lâm-tuyến).

Thuyền lan nhẹ-nhé
Một con chèo đúng đinh đạo hồ Tây.
Sóng rập-rờn sắc nước lân chèo mây.
Bát ngát để ghẹo người du lâm,
Yên-thủy tự sinh vô hạn cảm,

Thu-phong hồi thủ mỗi thương tâm!
Rượu lung bầu, mong-mỗi bạn tri âm,
Xuân vắng-về biết cùng ai ngâm họa?
Gió hây hây nức mùi hương xạ,
Nhác trông lên, vách phấn đã đ𝐞 bài.
Thơ ai, xin hỏi một bài?

QUAN ĐỐC HỌC TRẦN-LÊ-KÝ

(Người làng Bát-tràng, tỉnh Bắc-ninh)

23. — CHƠI CHO LIỄU CHÂN HOA CHÈ

Từ lèn một đến mười lăm còn trẻ nit,
Bốn mươi năm cút-kit đã về già;
Tinh trong vòng, cắn đá mấy giăng hoa,
Phỏng độ ba mươi năm là sắp kiệt.
Thế mà còn đi học đi hiệc, đi thi đi thiếc;
Khi đỗ khi điệc, làm quan làm kiếc!
Việc đời vấn-vít biết bao ngoi,
Giờ đã sinh cho kiếp làm người,
Chả chơi thời người cười ra chú vịch!
Được ngày nào, ta chơi cho thích,
Cho phong-lưu, thanh-lịch mới là giai!
Thấy ai ai, ta cũng ai ai.
Ai-ai ấy, thì ta cũng ấy!
Chờ có quả chữ đậm là chữ bậy!
Nếu không đậm sao có nẩy ra hiền?
Bảo em, em cứ giữ dièng.

QUAN DƯƠNG-LÂM

ĐƯA MỪNG QUAN NGHÈ DU-LÂM KHI ĐỖ TIỀN-SĨ

(Ngài với quan Nghè Nguyễn-Kham Du-lâm cùng là anh em ngọc-nhuận (rè), khi quan Nghè đỗ, ngài chưa đỗ, đưa mừng bài hát này, khoa sau đỗ Giải-nguyễn. Ngài dẫu không đỗ đại-khoa, nhưng văn tài cùng với quan Đường anh, đều là có tiếng, quan cũng làm đèn Thượng-thư. Ngài được cung hàm Thiêu-báo, văn-chương sự-nghiệp, Bắc-kỳ ta chưa dẻ được mây nhà, xin lục bài hát sau này :)

4. — CHÉN MỪNG XIN ĐỢI NGÀY RẰY NĂM SAU

Giai-nhân hà tất kiều như ngọc,
Chữ duyên may, đạp đỗ phận hồng nhan ;
Kia những người xe ngựa chan-chan,
So ngón kẽ đã thuã nhau ngàn vời vạn !
Mai phóng hạnh tiên, tiểu hạnh vẫn,
Hạnh khai mai hậu, thán mai suy !
Xin dừng đem tài sắc đánh ghen chi !
Trăm năm ấy đường đi lối bước,
Nhắn những kẻ đường mây bước trước,
Sẽ dừng roi đợi kẻ sau này,
Chắc rằng ai dở, ai hay !

25. — MUỜI LĂM NĂM MỚI BÂY GIỜ LÀ ĐÂY

4º — *Gặp cô đầu cũ*

Hồng-hồng tuyết tuyết,
Mới ngày nào, chưa biết cái chi-chi !

Mười ăm năm, thẩm-thoát cô ra già !
Ngảnh mặt lại, đã tới kỳ tơ-liễu,
Ngã lẳng du thì khanh thương thiếu,
Khanh kim hứa iá, ngã thành ông,
Cười cười, nói-nói sương-sùng,
Mà bạch-phát với hồng-nhan chừng ái ngại,
Riêng một thú thanh sơn đi lại,
Khéo ngày-ngày, dại-dại mẩy tình !
Đàn ai một tiếng giương tranh.

CÁC BÀI HÁT QUAN DƯƠNG KHUÊ

Năm bài

(Ngài người làng Văn-định, phủ Ứng-hòa, tỉnh Hà-đông, đỗ Tiến-sĩ khoa Nhâm-thìn, niên hiệu vua Tự-Đức năm 21, làm quan đồn Thượng-thư, lại về Tham-tá nhà Kinh-lược, khoa hoạn rát là rõ ràng. Ngài là một bậc tử-tảo phong-lưu, không những văn-chương hay, các bài hát và roi chầu, rát là hay có tiếng. Đó cũng là vận sự riêng trong một bậc văn-hoa; xin lược những bài hát sau này :)

6. — DÂY LOAN XIN NỐI CẨM LÀNH CHO AI ?

1º — Hỏi truyện cô dâu

Nhân vong, cầm tại,
Thương chàng Hai, mà hỏi lại cô Hai ;
Tiện đây hỏi một đôi nhời :
Đàn bản ấy đã cùng ai so phiếm cũ ?
Hồng phấn, kỷ nhân vi quả-phụ ?

Bạch-dầu, nan lão Trác-văn-quán,
Thể thi khi gió gác, khi giăng săn,
Chừng bạch-tuyết, dương-xuân còn tưởng nhớ !
Hãy ngồi lại hát chơi khúc nữa,
Ai trách chi tang chở xóm Bình-khang ?
Xưa nay nghề-nghiệp thể thường.

27. — TÌNH NHÂN LẠI GẶP TÌNH NHÂN

2° — *Gặp cô đầu cũ*

Hết ức lục thất niên tiền sự,
Nợ phong-lưu chưa phỉ hương nguyễn ;
Tới bây giờ lại gặp người quen,
Nỗi lưu-lạc, sự ghét-ghen là thế-thế !
Thiếp tự thân khinh, lang vị khí,
Thần tuy tội trọng, đẽ do liên !
Can chi mà tủi phận hờn duyên ?
Đề son phấn đàn em thêm khúc-khích !
Ý trung nhân, tự khả tình tương bạch,
Thôi bút nghiên, đàn phách cũng đều sai,
Gặp nhau ta sẽ vui cười.

28. — SÔN-SAO TI TRÚC HỘI-ĐỒNG QUÂN QUAN

(Mừng khánh-thành sinh-tử và tiền quan quan
Nguyễn-Tổng-Khê lai kinh).

CÂU MIÊU

Ấy ai ghi nhớ sống thorer,
Tổng-khê Tướng-quốc sinh-tử, kia-kia !

Tầng lầu các họa thơ đẽ,
Nghiễn-bi thủa trước, Hùng-bi thủa này !
Giang sơn riêng thú thanh-kỳ.
Có^{*} lầu có tháp, có bia công-thần,
Giữa giờ một gác khuê-văn,
Chùa tiên bên nọ, miếu thần bên-ni !

3º — Bài thứ nhất

Thùa tướng đại danh thùy vũ-trụ,
Sinh-tử trường dữ thủ giang-san !
Thú vui chơi, thắng-tích, kỳ-quan,
Miền thủy nhiễu, hoa hoàn coi cũng rứa,
Ngắn tuyết chảo vắng, hoàn, lưu, khứ,
Dịp tuần hồng nhứ-nhứ ti-ti !
Hát[§] rắng vô dĩ công qui,
Một tiếng trúc, dây ti là một nhớ !
Hỏi lại cỏ hoa đã biết chưa ?
Nước non này còn đó bởi vì ai ?
Còn sông Tô, Nhị còn dài,
Còn bia Nùng, Khán còn nhời niềm ân.
Trăm nghìn bài chúc thần-quân.

4º — Bài thứ hai

Tung sinh, Nhạc giáng chân danh thế,
Đệ nhất nguyên-huân, đệ nhất nhân !
Vì đem mà vẽ lại các kỳ-lân.
Gồm đủ cả trượng-tiết, trù - biên, giao-lân,
phụng-sứ,
Nghìn năm lẻ, bóng đường, mưa thử,
Giang sơn này lưu khứ nhớ hay không ?

Càng lâu càng nhớ Tướng-công,
Lúc bẩn-dâng tình trung càng tỏ dạ !
Một mình hệ hoàng-gia tôn-xã,
Trăm ngàn năm vàng đá vẫn còn ghi,
Sinh-tử Tướng-quốc kia-kia !

29. — CÓ CÂY CÓ ĐÁ SẴN-SÀNG

5° — Hương-sơn

(Núi Hương-tích ở về phủ Mỹ-đức, huyện-Chương-mỹ, tỉnh Hà-đông. Một núi rất là u tịch, lồi vào khuất khúc, qua khẽ đèn núi, qua nút đèn chùa, qua chùa đèn động, lại có những chợ giờ, rừng mơ, suối Giả-oan, lồi lên giờ, hang xuồng đất, thực là thơ giờ xèp-đặt sẵn ra một cảnh chí tự n iên. Vua Thánh-tôn nhà Lê có khắc 5 chữ bằng đá đẽ trước cửa động rắng : « Nam thiên đệ nhất động » nghĩa là động thứ nhất giờ Nam. Tương truyền đức chúa-Ba nước ta đặc đạo tu ở đây, cho nên đèn nay năm-năm cứ tháng hai, tháng ba, kè hành hương, người lâm thằng, thực là ngựa xe như nước, áo quần như nêm. Các bài đẽ vịnh cũng nhiều, xin lục hai bài sau này :)

Thú thiên nhiên đâu bằng Hương-tích,
Đủ thanh-tao, cảnh lịch trăm chiều !
Người thời vui trĩ-thở sô-nghiêu,
Kẻ thời thích yên-hà phong-nguyệt.
Kho vò-tận những thế nào chưa biết,
Thú hữu tình sơn thủy thực là vui !
Khi dǎng lâm, có lối đến gần giờ,

Mây dưới gót, đủ xanh, đen, vàng, đỏ, trắng !
Lúc vào động ngắm sơn-quinh thạch-đắng,
Bút thần ngoan chua khéo vẽ cho cùng,
Riêng một bầu sắc-sắc không-không,
Khắp mọi vẻ kỳ kỳ quái-quái !
Động chủ hữu linh tbần-bút tại,
Hóa-nhi vô ý tự-nhiên công !
Khách trèo non ngắn lại mà trông,
Lòng mến cảnh dời chân đi hóa đứng !
Chén vân-dịch nghiêng bầu uống gắng ;
Bức thơ tiên mở túi liền đề.
Giải oan ra, tẩy tục lại thêm hay,
Thiên-chùi tối, vong cơ càng thấy khỏe !
Làng thi tửu còn đâu hơn đấy nhỉ ?
Chẳng Bồng-lai, Nhược-thủy cũng thần tiên,
Rõ ràng đệ nhất Nam-Thiên,
Mang đi sợ để thần tiên mất lòng !
Thôi thì để đấy chơi chung.

QUAN NGHE CHU-MẠNH-CHINH

(Người làng Phú-thị, tỉnh Hưng-yên, đỗ Giải-nghuyên, Tiên-sĩ, làm quan đồn Áu-sát tỉnh Hà-nam. Quan Chu cũng là một bậc từ-táo phong-lưu, các nghề chơi như: đàn, vè, bắn súng, đánh cờ, điêu giói cà, văn nam-âm cũng hay, có tập thơ vịnh Kiều 20 bài in đè lại, và ít nhiều bài hát còn truyền, xin lục bài hát sau này :)

Bài hương-sơn thứ hai

Bầu giờ cảnh bụi,
Thú hương-sơn ao ước bấy lâu nay !
Kia non-non, nước-nước, mây-mây,
Đẹ-nhất-động hỏi rằng đây có phải ?
Thủ-thỉ rừng mai chìm cung trái,
Lững-lờ khe nước, cá nghe kinh.
Thoảng bên tai một tiếng chảy kinh,
Khách tang-hải dặt mình trong giấc mộng !
Này thú Giải-oan, này chùa Cửa-võng,
Này am Phật-tích, này động Tuyết-kinh,
Nhác trông lên ai khéo họa hình,
Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt ;
Thăm-thăm một hang lồng bóng nguyệt,
Gập-ghềnh mấy lối uốn thang mây !
Ý giang-sơn còn đợi ai đây ?
Hay tạo-hoa khéo ra tay xếp đặt !
Lần tràng-hạt niệm nam-vô phật !
Cảnh từ-bi công đức biết bao,
Càng trông phong-cảnh càng yêu.

QUAN DOAN-KHUE

(Ngài người làng Ngoại-lân, tỉnh Thái-binh đỗ Tiến-sĩ khoa Mậu tuát, niên hiệu ua Minh-Mệnh ta thứ 19, quan suyêng chức Doanh-diễn-sứ tỉnh Nam-đị h, là em quan Trung nghĩa tướng-quân Doãn-Uân, khoa-danh, tiết-nghĩa có danh-lièng ở quốc triều ta, xin lục bài hát sau đây :

30. — CÒN CHEN VÀO CHỐN BỤI HỒNG LÀM CHỈ

Mòn tài ngũ liêu,
Đào-uyên-Minh qui khứ lai hè ?
Chỉ vân sơn hẹn lấy đường về,
Đừng theo-đuối phong-trần chi mãi-mãi !
Giời đất nề-nang người khé-khai,
Nước non tây-vị kẻ tài tình,
Đạo Chích lợi, Bá-Di danh,
Hỏi Thủ-lĩnh, Đông sơn ai phải chẳng ?
Bắc đồng cân thử xem nhẹ nặng,
Chữ lợi kia nhẹ bằng mấy mươi !
Danh thơm dài dề trên đồi,

31. — GIĂNG THỀ CÒN ĐÓ TRƠ-TRƠ

Cao sơn nhất phiến nguyệt,
Đã chơi giăng nên phải biết tình giăng,
Sơn chỉ thọ, dõi với nguyệt chi hăng,
Sơn có nguyệt càng thêm cảnh sắc,
Nguyệt quái hàn sơn thi bán bức,
Sơn hàm minh nguyệt tửu thiên tôn ;
Giăng chưa già, núi vẫn còn non,
Núi chưa khuyết, giăng vẫn tròn mấy núi ;
Rượu một bầu, thơ ngâm một túi,
Góp gió giăng, làm bạn với non sông !
Núi kia, tặc dề chữ đồng,
Giăng kia, nhớ mặt anh-hùng này chẳng ?
Sinh thay kia núi nọ giăng.

TÌ BA HÀNH

Lác-dáć rứng phong hạt móc xa,
Ngàn lau hiu-hắt khí thu mờ,
Lưng giờ sóng gợn lòng sông thẳm
Mặt đất mây dùn cửa ải xa.
Khóm cúc thêm tuôn dòng lệ cũ,
Con thuyền buộc chặt khói tinh già.
Lạnh lùng giục kẻ tây đao xích,
Thành quạnh gần xa bóng ác tà.

Bến Tầm-dương canh khuya đưa khách,
Quạnh hời thu lau-lách điu-hiu,
Người xuống ngựa, khách dừng trèo
Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều chúc tơ.
Say cũng luống ngắn-ngơ hầu dẽ,
Nước mênh-mông đầm vẻ gương trong.
Đàn ai chợt tiếng bên sông,
Chủ khuây-khuâa lại, khách rùng-rồng xuôi.
Tìm tiếng sẽ hỏi ai đàn tá?
Ngừng dây tơ, nấn-ná làm thinh,
Rời thuyền ghé lại thăm tình,
Dong đèn chuốc chén còn dành tiệc vui,
Mời-mọc mãi thấy người bỡ ngỡ,
 Tay ôm đàn che nửa mặt hoa,
 Vận đàn vài tiếng dạo qua,
 Dẫu chưa nên khúc tình đã thoảng hay.
 Nghe não nuột mấy dây rút bậc,
 Nhường than niềm, tấm túc bấy lâu,
 Chau mày tay gầy khúc sầu.
 Tả tình rãi hết trước sau muôn vàn,
 Ngón buông, bắt khoan khoan dùn-dặt,

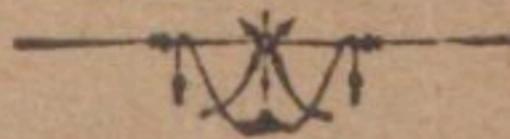
Trước nghe-thường sau thoát lục điệu,
Dây to nhường đồ mura rào,
Ni non dây nhỏ nứa chiều chuyện riêng.
Tiếng cao thấp đành hanh lần gầy.
Mâm-n ọc đâu bỗng nẩy hạt châu.
Trong hoa oanh ríu-rít nhau,
Suối khe giéo-giắt chảy thâu dưới ghềnh.
Nước suối lạnh tơ mành ngừng tắt,
Ngừng tắt nên phút bặt đường tơ.
Âm-thầm đau đớn ngàn-ngơ,
Vé người lặng-ngắt bấy giờ càng hay,
Bình bạc vỡ tuôn đầy giọt nước,
Ngựa sắt giòng thét ngược tiếng giao,
Cung đàn chọn bức thanh tao,
Tiếng buông sé lụa đượm vào bốn dây,
Thuyền mây lá đông tây im phắc,
Một vầng giăng trong vắt lòng sông.
Ngậm-ngùi đàn đã sắp xong,
Áo siêm sủa soạn hầu mong giả nhời,
Rằng: xưa vốn là người kẻ chợ,
Gò Hà-mô chú ở lân la.
Học đàn từ thủa mười ba,
Giáo phường đệ nhất bậc đà liệt tên.
Ã Thiện tài sợ phen dựng khúc,
Gái thu-nương ghen lúc diễm tô,
Ngũ-lăng chàng trẻ tranh-đua,
Biết bao the đỏ chuốc mua ngón đàn,
Vành lược bạc chia, tan dịp khô,
Bức quần hồng, hoen ố rượu rơi,

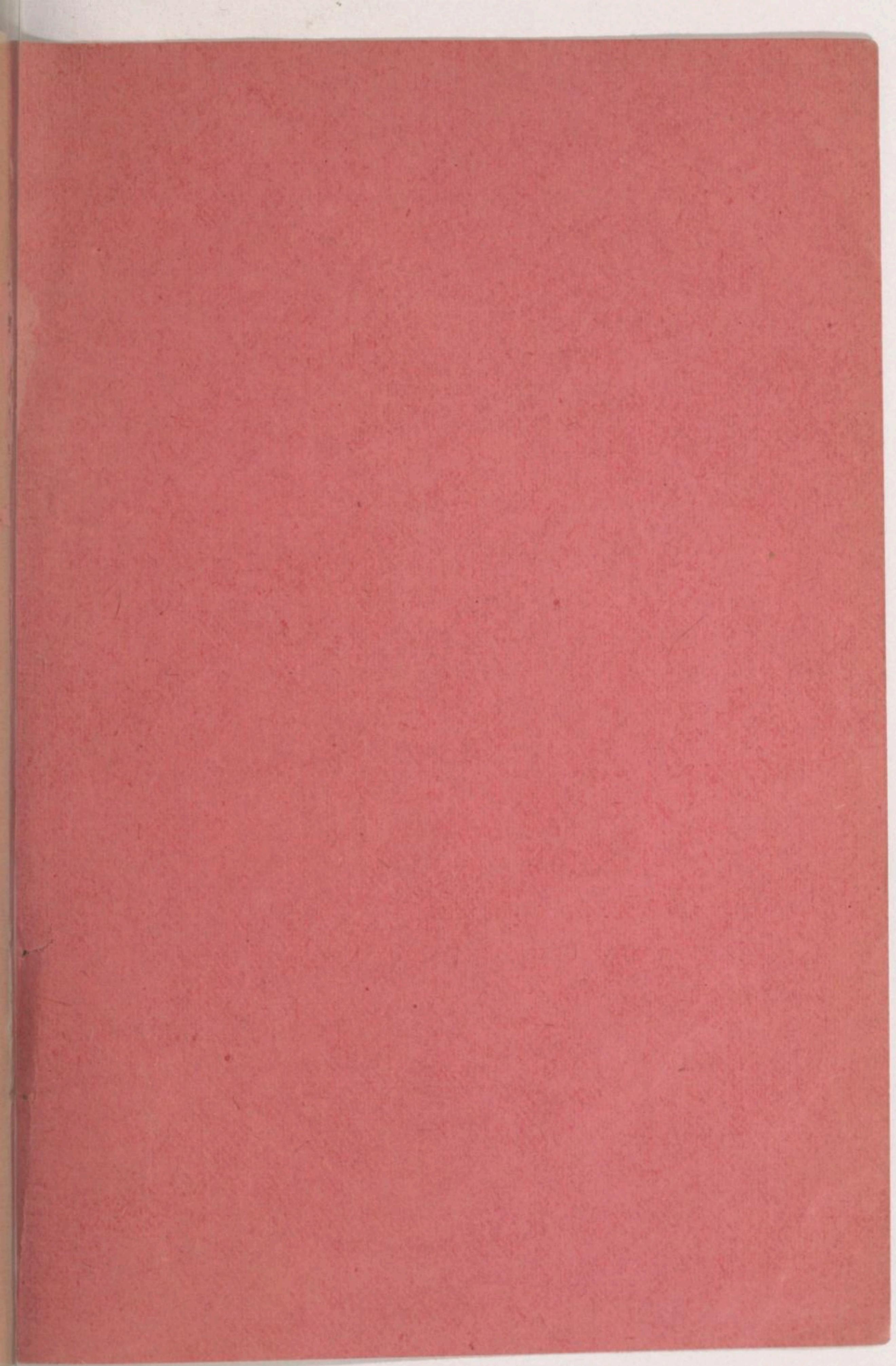
Năm năm lần lửa vui cười,
Mải giăng gió, chả đoái-hoài xuân thu.
Buồn em chầy, lại lo gì thác,
Lần hôm mai đồi khác hình-dung,
Cửa thưa dấu ngựa vắng không,
Thân già mới kết bạn cùng khách thương.
Khách trọng lợi khinh đường sa-cách,
Mải buôn chè sớm tết dặm khơi.
Thuyền không đỡ bến mặc ai,
Quang thuyền giăng sáng nước trời lạnh lung.
Canh khuya chợt nhớ vòng tuổi trẻ,
Lệ chúa chan hoen vẻ phấn son,
Nghe đàn ta đã chyện buồn,
Lại rầu nghe nỗi nỉ-non mẩy nhời,
Cùng một lứa bên giờ lắng-đắng,
Gặp gỡ nhau lọ săn quen nhau,
Từ xa Kinh-khuyết bấy lâu,
Tầm dương đất chích, gối sầu ôm mai.
Chỗn cung-tịch biết ai vui với,
Tai chẳng nghe đàn thổi cả năm,
Sông Bồn gần chốn cát lầm,
Lau già, trúc cõi âm-sầm quanh hiên.
Tiếng chi đó, nghe liền sớm tối,
Quyện kêu than, vượn nói véo-von,
Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn,
Lần lần tay chuốc chén son ngập-ngừng.
Há chẳng có sáo dưng hát núi,
Rợn Liu lo nhiều nỗi khó nghe,
Tì bà nghe dạo đêm khuya,

Nhạc tiên đâu đã sớm kề bên tai.
Căng ngồi lại đàn chơi khúc nữa,
Sẽ vì nàng soạn sửa nhòi ca.
Đứng lâu nhường cảm ý ta,
Dồn ngồi giờ ngọn, đàn đà kíp dây,
Bực, rầu rĩ khóc tay đàn rước,
Trong tiệc hoa tuôn nước lệ rơi,
Lệ ai chan chứa hơn ai,
Giang-châu Tứ-mã, đượm mùi áo xanh.



CHUNG





Có dâng Hoàng-Thượng và
trình phủ Thống Sứ